

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường hoạt động dưới sự điều khiển của bàn tay vô hình, cùng với sự chi phối của các quy luật kinh tế đặc trưng: Quy luật kinh tế cạnh tranh, quy luật cung cầu, quy luật giá trị tạo nên môi trường kinh doanh đầy hấp dẫn sôi động cũng như đầy rủi ro và không kém phần khốc liệt. Là một tế bào của nền kinh tế, để tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh, theo nguyên tắc lấy thu bù chi để đảm bảo có lãi. Để có được lãi, các doanh nghiệp phải đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hoá, phấn đấu giảm giá thành, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm chi phí bán hàng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp... có như vậy các doanh nghiệp mới có thể trang trải được các khoản nợ, thực hiện được nghĩa vụ đối với Nhà nước ổn định được tình hình tài chính, thực hiện tái sản xuất cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Để làm được như vậy, doanh nghiệp phải khai thác tốt tiềm năng bên trong của mình kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý trong đó có kế toán. Đặc biệt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Do nhận thức được như trên, khi đi thực tập tại Công ty cổ TNHH TM Công Phụng em đã chọn đề tài khoá luận tốt nghiệp cho mình là: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Công Phụng”.

Nội dung của khoá luận ngoài lời mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Công Phụng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Công Phụng.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP****1.1. KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1.1. Các khái niệm cơ bản****1.1.1.1. Doanh thu**

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Các loại doanh thu:*** *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****a) *Doanh thu bán hàng***

Khái niệm: Doanh thu bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

Các điều kiện ghi nhận doanh thu : Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khái niệm: doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán

Các điều kiện ghi nhận doanh thu: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14,

doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng

Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đó đã quy định trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ

Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng

Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hàng hoá:

Đối với đơn vị ký gửi hàng hoá (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu

của doanh nghiệp cho đến khi đ-ợc tiêu thụ. Khi bán đ-ợc hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán đ-ợc. Khoản hoa hồng phải trả này đ-ợc doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hoá nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng đ-ợc h- ởng.

Ph- ơng thức bán hàng trả chậm, trả góp

Theo ph- ơng thức này, khi giao hàng cho ng- ời mua thì l- ợng hàng chuyển giao đ-ợc xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để đ-ợc nhận hàng, phần còn lại sẽ đ-ợc trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã đ-ợc quy định tr- ớc trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không đ-ợc phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà đ-ợc hạch toán nh- khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 đ-ợc tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

Ph- ơng thức hàng đổi hàng:

Là ph- ơng thức bán hàng mà doanh nghiệp mang sản phẩm, vật t-, hàng hoá để đổi lấy vật t-, hàng hoá khác không t- ơng tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật t-, hàng hoá t- ơng ứng trên thị tr- ờng.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu th- ơng mại: Chiết khấu th- ơng mại là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho ng- ời mua hàng do việc ng- ời mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa dịch vụ với khối l- ợng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu th- ơng mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng

Hàng bán bị trả lại: doanh thu hàng đã bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nh- ng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong điều kiện kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành, nh- : hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên

bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong tr- ờng hợp đặc biệt vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn đã ghi trong thời hạn hợp đồng

Thuế GTGT nộp theo ph- ơng pháp trực tiếp: Thuế TGT là một loại thuế gián thu, đ- ợc tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, l- u thông đến tiêu dùng.

$$\begin{aligned} \text{Số thuế GTGT phải nộp} &= \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT(\%)} \\ \text{GTGT} &= \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ mua t- ơng ứng} \end{aligned}$$

Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu

Thuế tiêu thụ đặc biệt : Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong tr- ờng hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật t- , hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

*** Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu th- ơng mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo ph- ơng pháp trực tiếp.

*** Doanh thu nội bộ**

Khái niệm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành.

*** Doanh thu hoạt động tài chính**

Khái niệm: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; Lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...);

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

*** Thu nhập khác**

Khái niệm: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Các điều kiện ghi nhận doanh thu:

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;

- Các khoản thu khác.

1.1.1.2. Chi phí

- **Chi phí:** là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

- Các loại chi phí:*** Giá vốn hàng bán:**

Khái niệm: là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá (HH) đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm (SP), lao vụ, dịch vụ (DV) hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã đ- ợc xác định là tiêu thụ và các khoản khác đ- ợc tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Hàng hoá khi xuất kho hay gửi bán đều phải xác định giá vốn thực tế để phục vụ cho việc hạch toán kịp thời và các mục tiêu khác của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán luôn chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Việc tính trị giá thực tế của hàng xuất kho để bán có thể thông qua một trong bốn phương pháp sau:

Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế xuất kho = Số l- ợng xuất x Đơn giá thực tế bình quân	
Đơn giá BQ cả kỳ	= $\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số l- ợng tồn đầu kỳ} + \text{Số l- ợng nhập trong kỳ}}$
Đơn giá BQ liên hoàn	= $\frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số l- ợng hàng hóa thực tế sau lần nhập } i}$

Phương pháp nhập tr- ớc - xuất tr- ớc (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất tr- ớc . Nh- vậy đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập tr- ớc và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của

những lần nhập sau cùng

Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này thì kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giá thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của lần nhập đầu tiên.

Phương pháp thực tế đích danh:

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

* **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Nội dung chi phí sản phẩm bao gồm các yếu tố sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, các khoản trích theo lương(khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ)

- Chi phí vật liệu, bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu dùng cho vận chuyển hàng hóa

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ đo lường tính toán

- Chi phí khấu hao TSCĐ: để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nh- : nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển bốc dỡ

- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian bảo hành(riêng chi phí bảo hành trong thời gian xây lắp đ- ợc hạch toán vào TK 627)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ nh: thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ, vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các kinh phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm.

Ngoài ra tùy thuộc hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng ngành, từng đơn vị mà TK 641 “Chi phí bán hàng” có thể mở thêm một số nội dung chi phí.

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Theo quy định của chế độ hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tiến hành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỉ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: giá trị thực tế của các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng trong hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của DN, cho việc sửa chữa TSCĐ dùng chung của DN

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của DN

- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho DN như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- Thuế, phí và lệ phí: các khoản thuế như: thuế nhà đất, thuế môn bài và các khoản chi phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, phục vụ cung toàn DN như: tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ; tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần (không đủ tiêu chuẩn TSCĐ); chi phí trả cho nhà thầu phụ

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi khác bằng tiền ngoài các khoản chi

đã kể trên, nh- chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ, các khoản chi khác.

* **Chi phí hoạt động tài chính:** là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu t- tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí liên quan đến hoạt động đầu t- công cụ tài chính; đầu t- liên doanh; đầu t- liên kết; đầu t- vào công ty con. (Chi phí nắm giữ, thanh lý, chuyển nh- ợng các khoản đầu t- , các khoản lỗ trong đầu t-)

- Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn.

- Chi phí liên quan đến mua bán ngoại tệ.

- Chi phí lãi vay vốn kinh doanh không đ- ợc hòa vốn, khoản triết khấu thanh toán khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp lao vụ, dịch vụ.

- Chênh lệch lỗ khi mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Trích lập dự phòng giảm giá đầu t- tài chính ngắn hạn, dài hạn.

* **Chi phí khác** là các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong t- ơng lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã đ- ợc ghi nhận từ các năm tr- ớc;

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu diễn bằng số tiền lãi hay lỗ

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

1.1.2. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường, mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau có những phương thức kinh doanh khác nhau, có những vị thế, chiến lược khác nhau trên thương trường.

Đối với doanh nghiệp, bán hàng là khâu cuối cùng của một vòng chu chuyển vốn, là quá trình đổi tài sản từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ, do vậy bán hàng có ý nghĩa vô cùng quan trọng quyết định thành bại, là quá trình thực hiện lợi nhuận, xác định kết quả kinh doanh mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh là xác định số tiền lãi (lỗ), là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tiêu thụ, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của một thời kỳ, đưa ra phương hướng, kế hoạch cho kỳ tới. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong DN. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ:

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

Chứng từ kế toán để kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu cung cấp dịch vụ sử dụng gồm:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 01 - BH)

- Thẻ quầy hàng (mẫu 02 - BH)

- Các chứng từ thanh toán(phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có NH, bảng kê của NH)

- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại

1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kế toán sử dụng TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

+ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào.

Cung cấp dịch vụ : thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch chi thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

TK511 có 5 TK cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: đ- ợc sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật t- .
- TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: đ- ợc sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất nh- : công nghiệp, xây lắp. ng- nghiệp, lâm nghiệp.
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: đ- ợc sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ nh- : giao thông vận tải, b- u điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá: đ- ợc dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà n- ớc khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà n- ớc.

- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh BĐSĐT.

+ TK 512: Doanh thu nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình bán hàng trong nội bộ một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập (Giữa các đơn vị hành chính và đơn vị phụ thuộc với nhau)

TK 512 bao gồm 3 TK cấp 2:

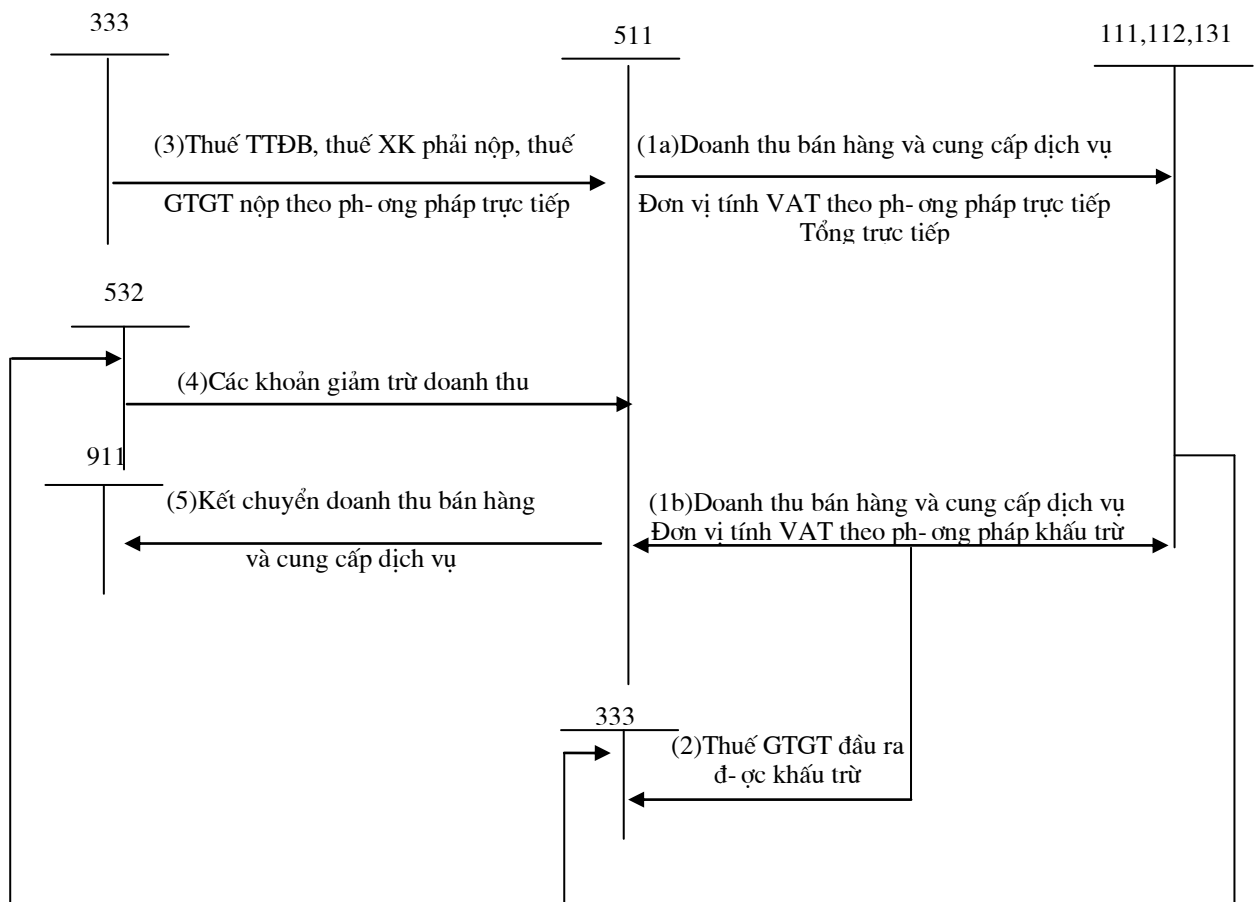
TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 - Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. *Ph-ong pháp hạch toán*: Ph-ong pháp hạch toán doanh thu bán hàng, doanh thu nội bộ đ-ợc thể hiện qua sơ đồ 1.1 nh- sau:

Sơ đồ 1.1: *Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*



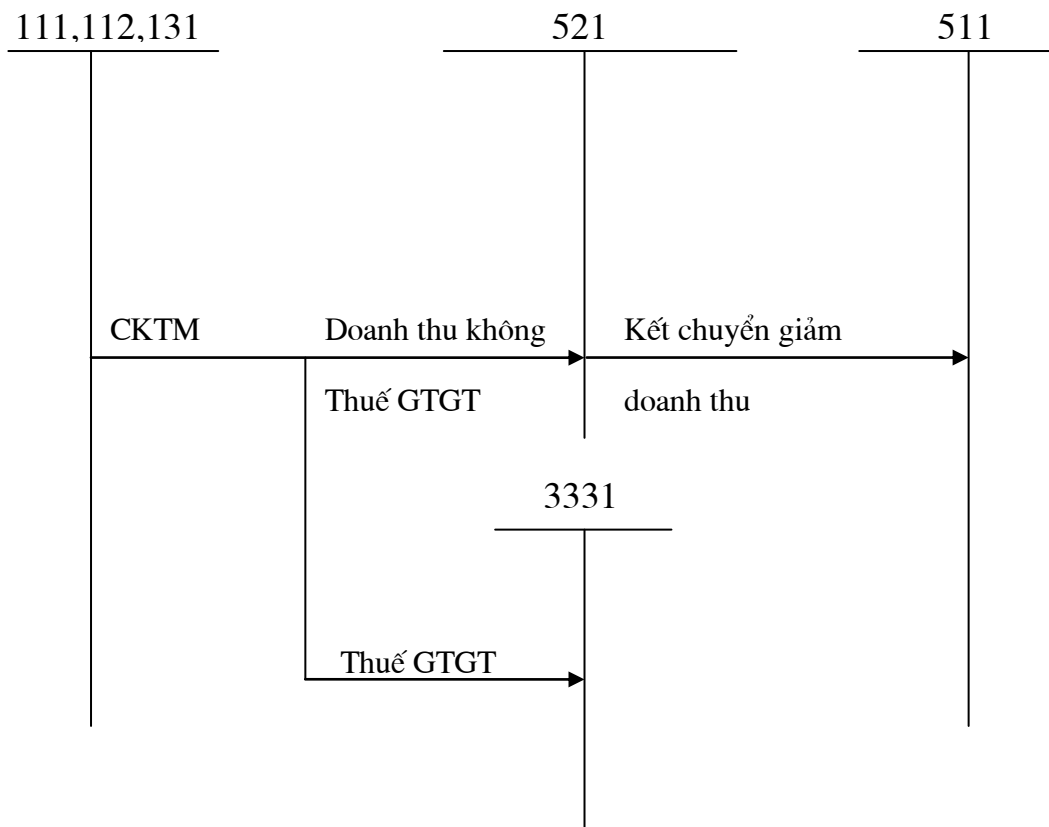
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Kế toán chiết khấu th-ong mại

* Chiết khấu th-ong mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho ng-ời mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối l-ợng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu th-ong mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng.

* TK sử dụng : TK 521 “Chiết khấu thương mại”. TK 521 không có số d-.

* Quy trình hạch toán

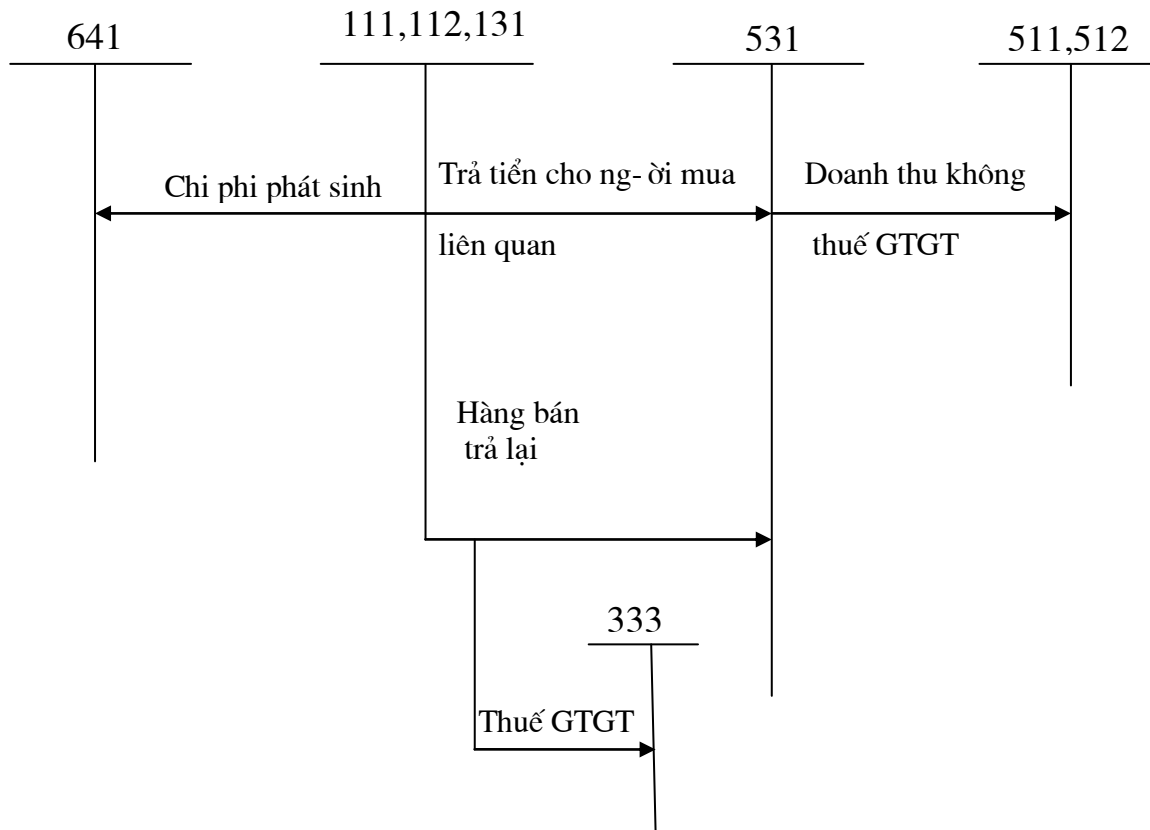
Sơ đồ 1.2.1 : Sơ đồ hạch toán khoản chiết khấu th-ong mại**1.2.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại**

* Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nh-ng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về ng-ời bán.

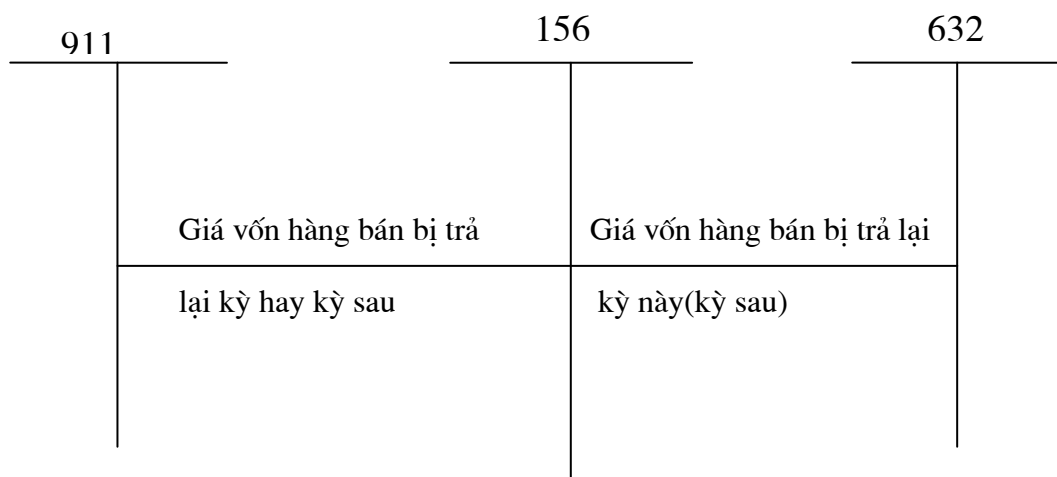
* TK sử dụng : TK 531 “Hàng bán bị trả lại” . TK 531 không có số d- . Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi đ-ợc phản ánh vào TK 641 – Chi phí bán hàng

* Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.2.2 : Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Phản ánh giảm giá vốn



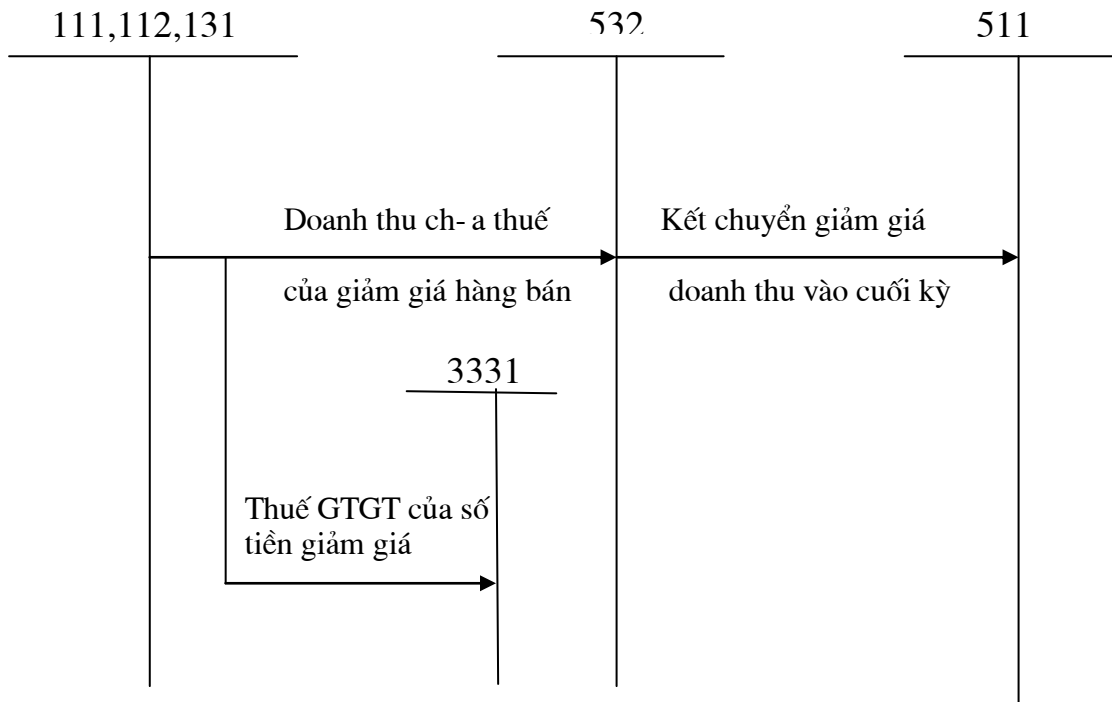
1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán

* Giảm giá hàng bán là các khoản giảm trừ cho ng-ời mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về ng-ời bán nh- hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn.

* TK sử dụng : TK 532 “Giảm giá hàng bán”. TK này không có số d- .

* Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.2.3 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu đ- ợc sử dụng là:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- + Hoá đơn bán hàng thông th- ờng (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm

phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

1.2.3.2. Quy trình hạch toán

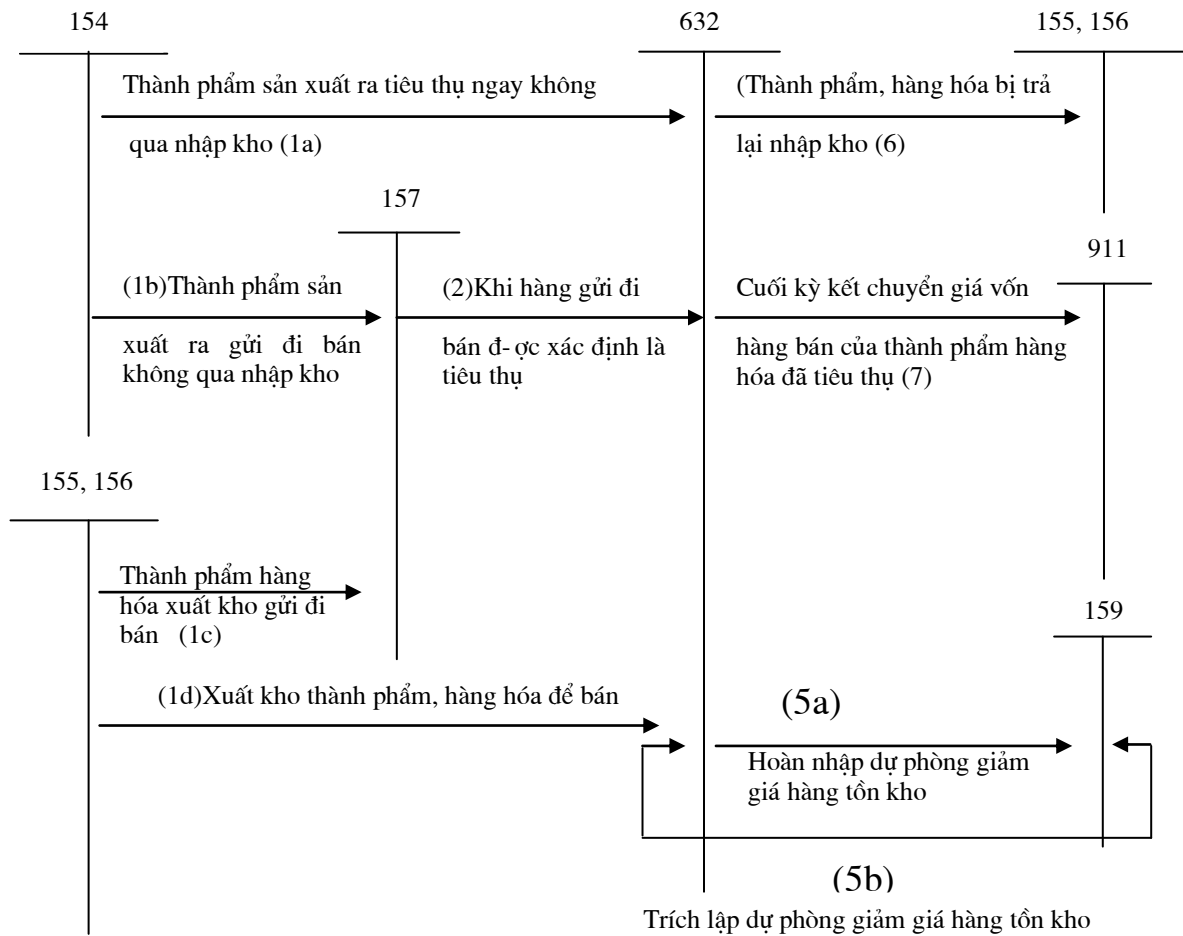
Kế toán giá vốn hàng bán áp dụng hai phương pháp hạch toán : Kế khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ.

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp hạch toán phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, tồn các loại thành phẩm, hàng hóa trên các TK và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập, xuất kho. Giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa xuất kho được tính toán căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá vận dụng ở các doanh nghiệp để ghi sổ.

b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Là phương pháp hạch toán không phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn các loại thành phẩm, hàng hóa trên các tài khoản và các sổ tổng hợp mà chỉ theo dõi trên các TK giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ thông qua việc kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của hàng xuất kho theo phương pháp cân đối. Giá vốn thực tế của thành phẩm xuất kho chỉ phản ánh tổng số, không phân tích chi tiết theo từng mục đích xuất dùng.

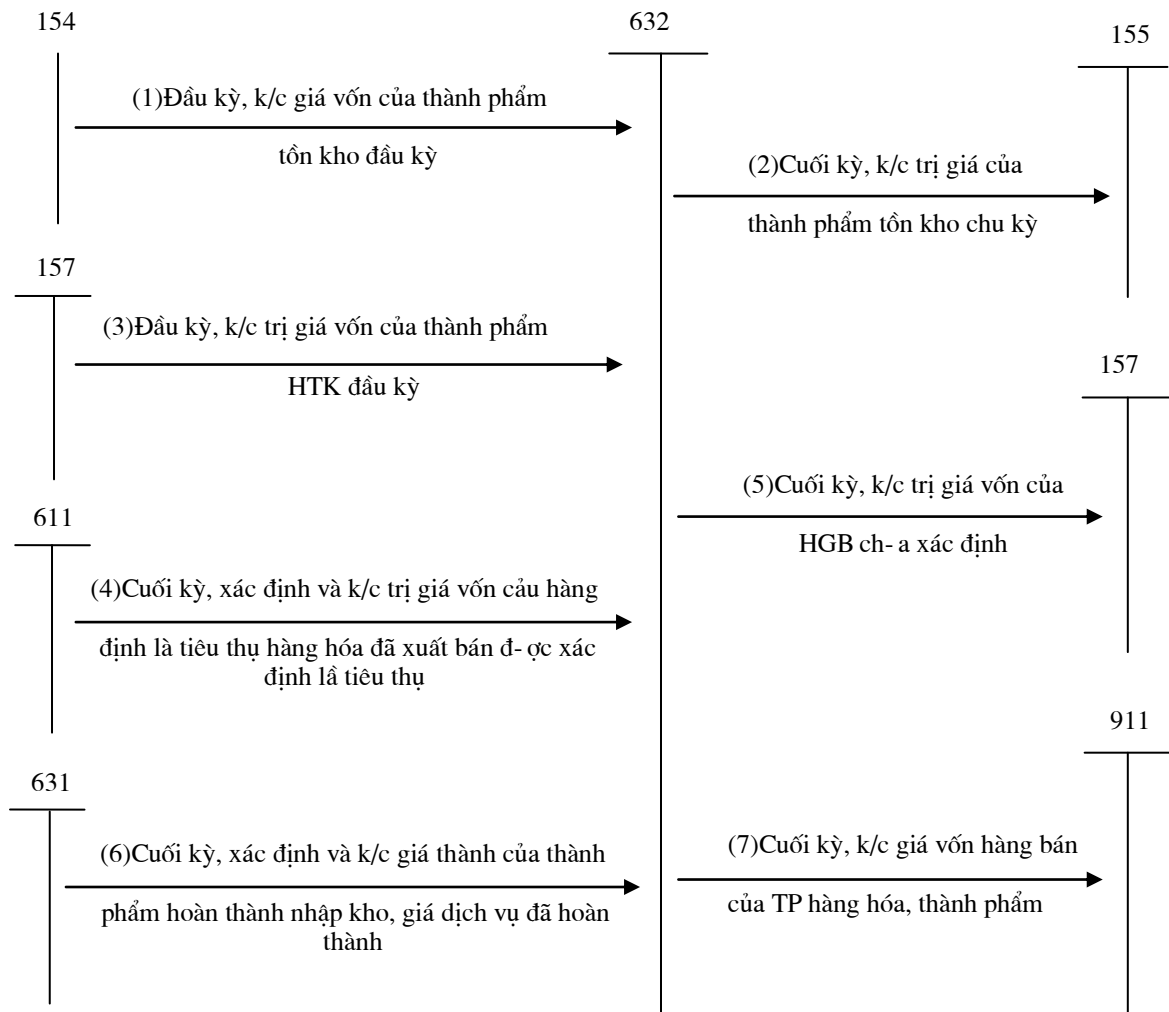
c. *Phương pháp hạch toán:* Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT)
- Các chứng từ có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng, để tập hợp và kết chuyển CPBH thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh TK 641 được mở chi tiết 7 TK cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

Kế toán sử dụng TK 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp để tập hợp và kết chuyển các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của toàn DN

TK 642 có 8 TK cấp 2:

TK 6421: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6421: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6421: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6421: Thuế, phí và lệ phí

TK 6421: Chi phí dự phòng

TK 6421: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6421: Chi phí bằng tiền khác

* Kết cấu và nội dung sử dụng:

+ Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

Bên nợ:

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế PS trong kỳ

Bên có:

- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng

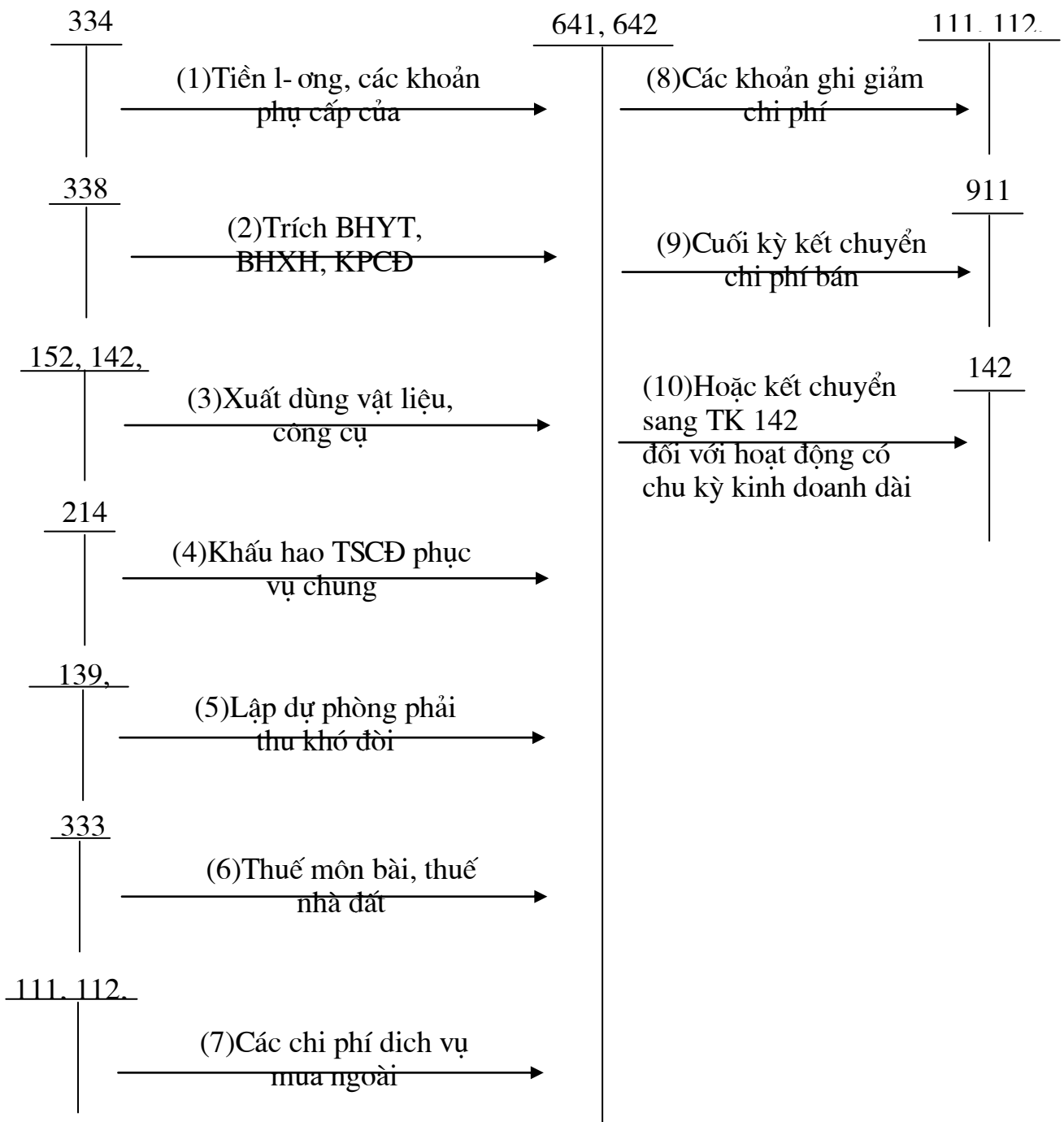
- Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

TK 641 không có số d-

1.2.4.3. Trình tự hạch toán

Ph- ơng pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:
đ- ợc thể hiện qua sơ đồ 1.5 nh- sau:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính**1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay ;
- Các giấy tờ liên quan khác;

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 515 bao gồm:

-Tiền lãi: như lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi cho thuê tài chính, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.

-Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

-Cổ tức và lợi nhuận được chia.

-Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn.

-Thu nhập về chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

-Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.

-Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá.

-Chênh lệch giá do chuyển nhượng vốn...

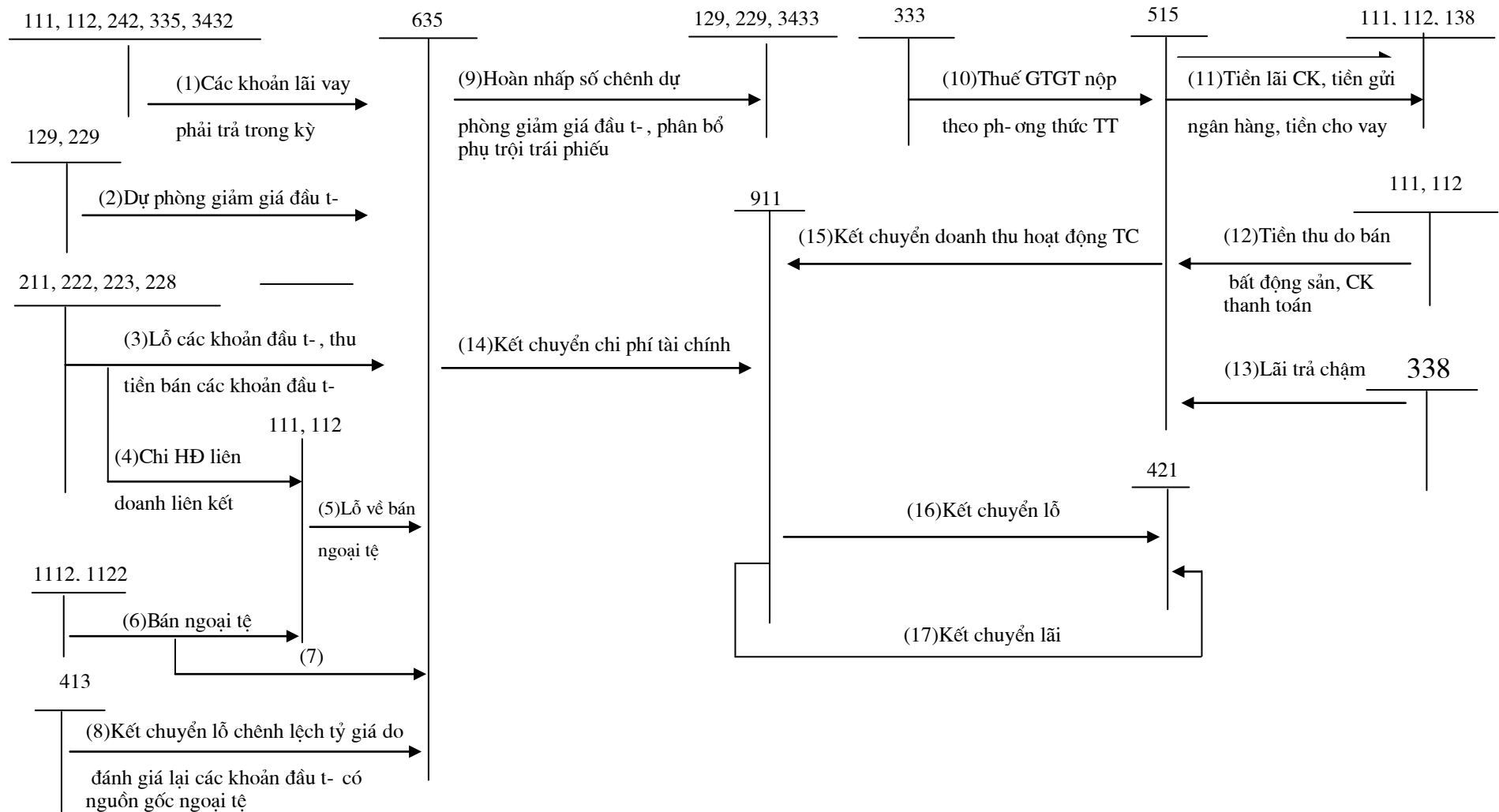
Tài khoản 515 không có số d-

➤ Tài khoản 635: Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...

- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

- **Tài khoản sử dụng**

- TK 711: Thu nhập khác

- TK 811: Chi phí khác

1.2.6.2. Xác định doanh thu hoạt động khác

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài các khoản tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

- * Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê tài sản.

- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

- Thu các khoản nợ khó đòi đã được xử lý xóa sổ.

- Các khoản thuế được ngân sách hoàn lại.

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu.

- Thu nhập quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng

cho doanh nghiệp.

- Các khoản thu nhập khác ngoài khoản thu trên.

- * Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

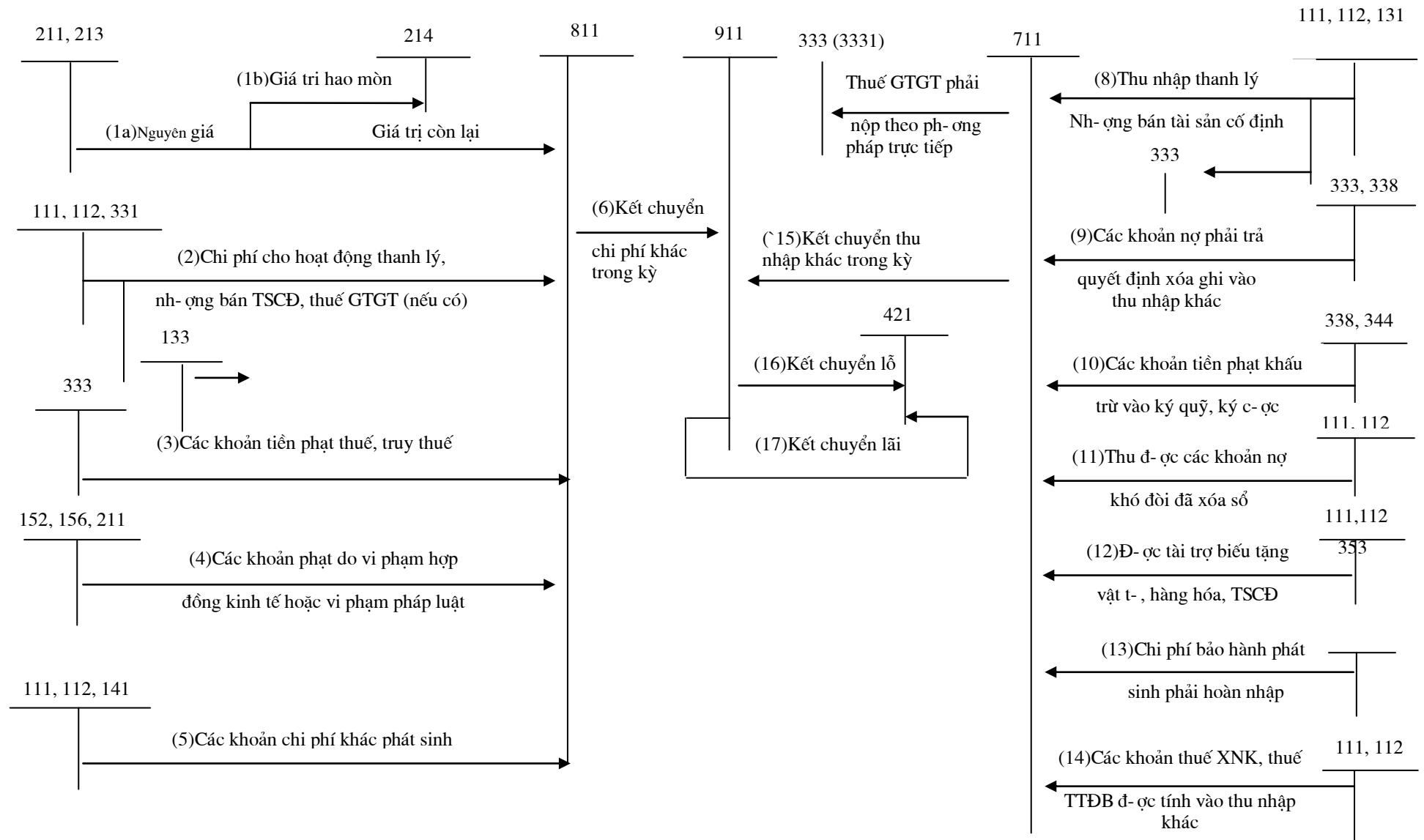
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác



1.2.7. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh

* Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Tài khoản 421-Lợi nhuận ch- a phân phối.

+ Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 4211- Lợi nhuận năm tr- ớc.

TK 4212- Lợi nhuận năm nay.

- Ngoài ra, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng các tài khoản liên quan khác nh- : TK 111, 112, 333, 414, 415, 431, 511, 512, 515, 635, 641,...

* Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả từ hoạt động SXKD (bán hàng và cc dịch vụ)	=	Tổng DT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn của hàng xuất bán và CP thuế TNDN	-	CPBH và CPQLDN
--	---	---	---	---	---	----------------

Kết quả từ hoạt động tài chính	=	Tổng DT thuần về hoạt động tài chính	-	Chi phí về hoạt động tài chính
--------------------------------	---	--------------------------------------	---	--------------------------------

Kết quả hoạt động khác	=	Tổng doanh thu hoạt động khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	-------------------------------	---	--------------

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ (chiết khấu th- ơng mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp tính theo ph- ơng pháp trực tiếp)

* Theo chế độ tài chính hiện hành, lợi nhuận của DN đ- ợc phân phối sử dụng theo thứ tự sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà n- ớc.

- Nộp khoản thu trên vốn do sử dụng vốn của nhà n- ớc.
- Bù đắp các khoản lỗ từ năm tr- ớc, các khoản chi phí không đ- ợc tính vào chi phí để tính thu nhập chịu thuế.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.
- Chia lãi cho các bên góp vốn...

Trong đó việc trích nộp cho nhà n- ớc, trích lập từng quỹ cụ thể của doanh nghiệp, chia cổ tức, chia lãi....theo tỷ lệ là bao nhiêu tùy thuộc vào chế độ quy định cho từng thời kỳ nhất định và quyết định của cấp có thẩm quyền.

* Trong các doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận đ- ợc tiến hành theo 2 b- ớc:

B- ớc 1: Tạm phân phối- định kỳ tiến hành phân phối kế hoạch.

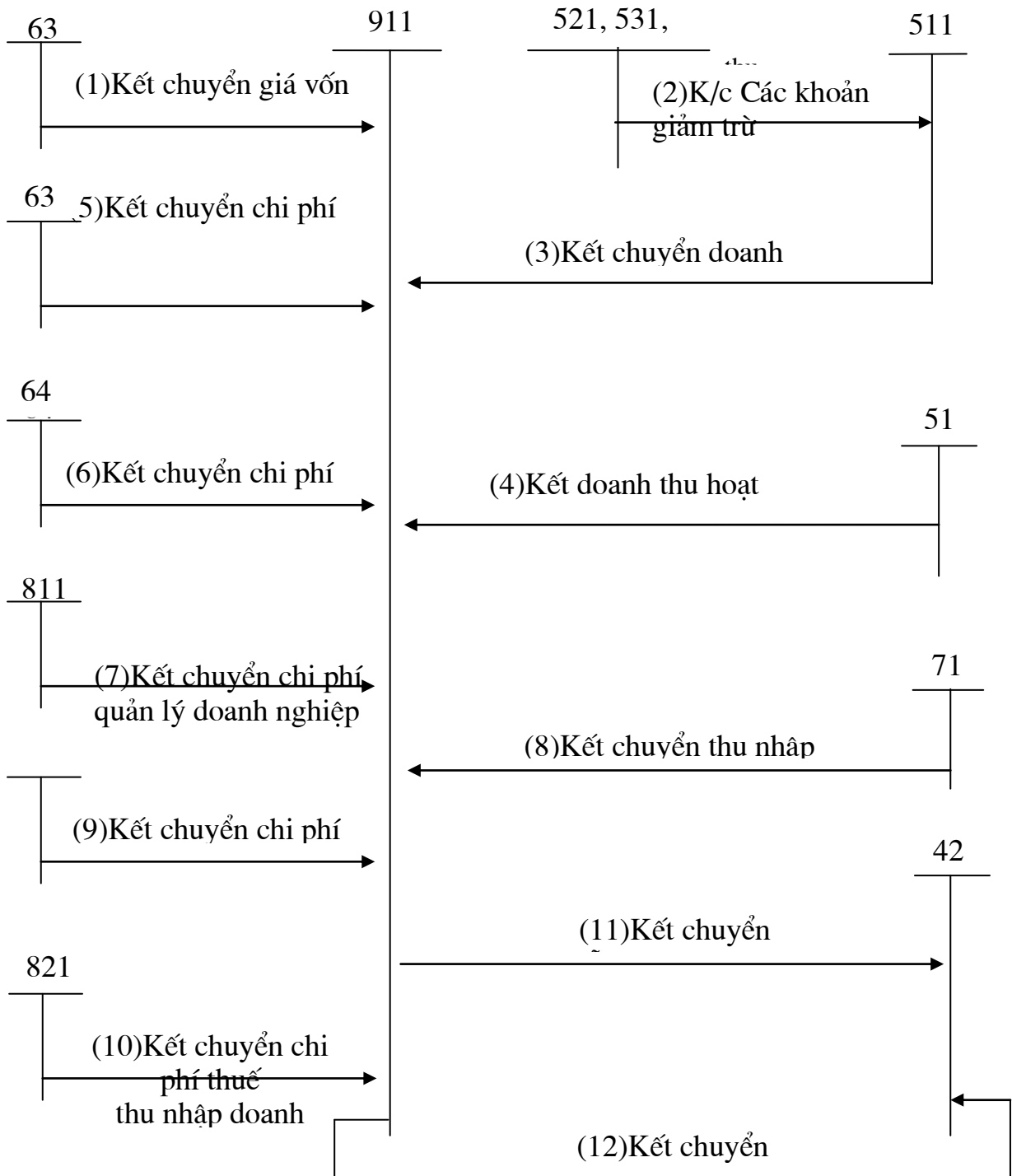
B- ớc 2: Phân phối chính thức: khi báo cáo quyết toán năm đ- ợc duyệt.

* Chứng từ và tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. TK này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

•Ph- ơng pháp hạch toán: Quy trình kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh đ- ợc thể hiện qua sơ đồ sau:

• Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG****2.1.1 Sự hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Cường Phương**

Công ty TNHH TM Cường Phương được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp) và đăng ký kinh doanh tại sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty là doanh nghiệp trong đó có các thành viên cùng góp vốn và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Công ty được Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Mọi hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Công ty có quyền kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh, được quyền sở hữu về tài liệu sản xuất, quyền thừa kế về vốn, tài sản và các quyền lợi hợp pháp khác. Các quyền lợi hợp pháp của công ty được pháp luật bảo vệ.

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở

- Tên công ty: Công ty TNHH TM Cường Phương
- Địa điểm trụ sở chính: Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của công ty như sau:

- Dịch vụ thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.
- Sản xuất và da công hàng dệt may.
- Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản.

Trong quá trình hoạt động và phát triển, công ty có thể bổ sung thêm các lĩnh vực hoạt động khác không thuộc đối tượng cấm kinh doanh với điều kiện phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh

3. Vốn điều lệ, hình thức góp vốn, tăng và giảm vốn

Vốn điều lệ ban đầu của công ty là 800.000.000đ (tám trăm triệu) bằng tiền mặt. Số vốn điều lệ nói trên do các thành viên đóng góp đủ vào ngày 18/02/2002. Trường hợp có thành viên không đóng góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết, thì số vốn ch- a góp đ- ợc coi là nợ của thành viên đó đối với công ty, thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi th- ờng thiệt hại phát sinh do không đóng góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết

Tại thời điểm đóng góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên đ- ợc công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp với nội dung theo quy định của luật doanh nghiệp.

Ngoài vốn điều lệ, trong tr- ờng hợp cần thiết, công ty sẽ vay vốn của ngân hàng hoặc huy động thêm vốn đóng góp của các thành viên để đủ vốn cho hoạt động kinh doanh.

Công ty không phát hành bất kì một loại chứng khoán nào.

Vốn điều lệ hiện tại của công ty là 19 734 244 007đ

4. Quyết định xác nhập, chia tách

Công ty có quyền tự lựa chọn việc xác nhập với một đơn vị kinh tế khác hoặc tách công ty thành các doanh nghiệp nhỏ hơn nh- ng phải làm đúng thủ tục thành lập lại và thực hiện việc đăng kí kinh doanh mới theo quy định của pháp luật.

Thủ tục tách và xác nhập Công ty thực hiện theo Điều 106 và Điều 108 Luật Doanh Nghiệp

5. Thống kê các chỉ tiêu chủ yếu

Để hiểu rõ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty , chúng ta cần xem xét một số chỉ tiêu của công ty. Vậy sau đây là một bảng theo dõi một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty của năm tr- ớc và năm nay:

Bảng 2.1: Chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm nay	Năm tr- ớc
1	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0.14	0.32
	- Tài sản l- u động/Tổng tài sản	%	0.83	0.68
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.51	0.79
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0.49	0.21
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần		
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
2.4	Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần		
3.	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	-Tỷ suất lợi nhuận tr- ớc thuế trên doanh thu	%	0.0022	0.003
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0.0006	0.001
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	- Tỷ suất lợi nhuận tr- ớc thuế trên tổng TS	%	0.0123	0.005
	-Tỷ suất lợi nhuận tr- ớc sau trên tổng TS	%	0.0035	0.001
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NV chủ sở hữu		0.003	0.001

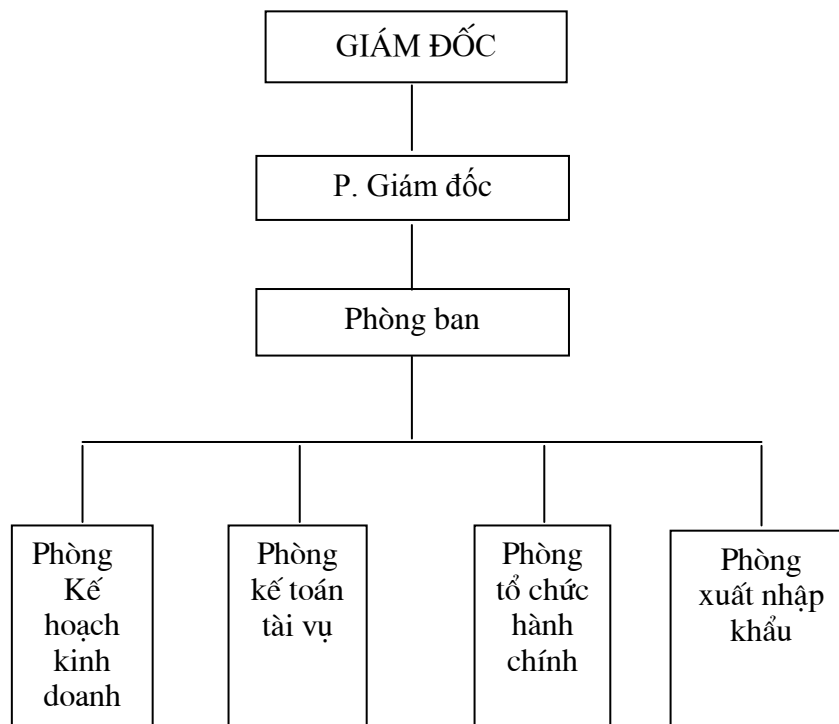
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

A. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Công ty có hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc. Khi công ty có trên 11 thành viên thì phải có ban kiểm soát. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của ban kiểm soát, tr-ởng ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1



. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng

1. Bộ máy kế toán

Nhiệm vụ của bộ máy kế toán là:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất sản suất kinh doanh của công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh doanh.

- Tổ chức ghi chép tính toán chính xác, chung thực kịp thời toàn bộ tài sản, vật t- tiền vốn của công ty đồng thời phân tích kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Tính toán trích nộp các khoản thanh toán cho ngân sách, cấp trên theo

đúng chế độ quy định.

- Theo dõi công nợ và tiến hành thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, các khoản nợ phải trả, đồng thời phản ánh chính xác các khoản thừa thiếu và xử lý theo chế độ.

- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê tài sản, định kỳ chuẩn bị đầy đủ thủ tục tài liệu cần thiết cho việc xử lý các khoản mất mát hao hụt, hỏng và đề ra biện pháp xử lý.

- Quản lý giám sát tình hình sử dụng các loại vốn trong doanh nghiệp

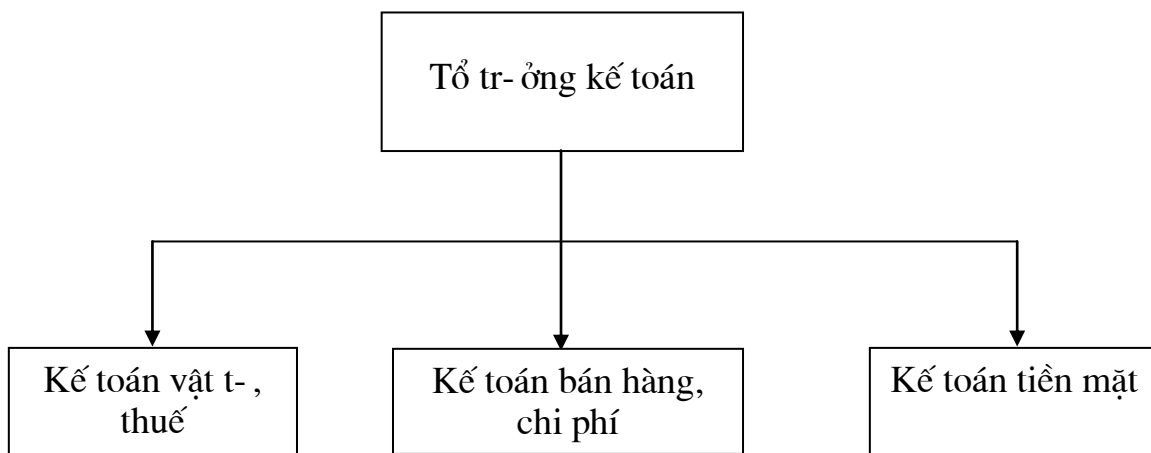
- Tổ chức thực hiện việc thanh toán với khách hàng và cán bộ công nhân viên trong công ty chỉ đạo và theo dõi việc kiểm tra và thanh tra nội bộ.

- Tổ chức lưu trữ các tài liệu kế toán, tài liệu chứng từ sổ sách theo đúng chế độ quy định.

- Lập các báo cáo theo đúng chế độ quy định để phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo của cấp trên- Bồi dưỡng và đào tạo nâng cao trình độ của nhân viên kế toán.

2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Sơ đồ 2.2



Theo dõi trực tiếp : →

3. Vận dụng chế độ kế toán

a. Chế độ tài khoản

Công ty TNHH TM Công Phụng hiện nay đang áp dụng hệ thống kế toán theo quyết định 1141 - TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 1/11/1995 của bộ tài chính

và thông t- sửa đổi 167/2002- TC/BTC. Trên cơ sở thực tế hoạt động kinh doanh của mình công ty đã triển khai thành một hệ thống tài khoản riêng cho đơn vị mình:

+ Tài khoản 111 do phải thực hiện thanh toán bằng hai hình thức: tiền mặt và séc nên công ty chia TK 111 thành 2 tiểu khoản:

Tk 111 TM: Tiền mặt

TK 111 Séc: Séc

+ Ngoài ra đặc điểm của công ty là một doanh nghiệp th-ong mại có nhiều thị tr-ờng và nhiều hoạt động giao dịch nên TK 112 đ-ợc phân chia theo loại tiền và ngân hàng gửi. Tuy nhiên việc phân chia này chỉ nhằm định không có những quy định kế toán cụ thể.

+ Là một công ty th-ong mại có nghiệp mua hàng và bán hàng diễn ra th-ờng xuyên nh-ng công ty không sử dụng tài khoản 1562 - chi phí mua hàng nh- trong chế độ mà th-ờng đ-ợc hạch toán vào TK 641- Chi phí bán hàng

b. Chế độ chứng từ đ-ợc sử dụng :

Các nghiệp vụ phát sinh đều tuân thủ nguyên tắc có đầy đủ những chứng từ giải trình. Chứng từ có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan đ-ợc áp dụng theo hình thức chứng từ ghi sổ áp dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 1/1/1996 về chế độ chứng từ. Tuy nhiên chứng từ trong doanh nghiệp một số còn viết tay, đặc biệt là các chứng từ thu chi và thanh toán nội bộ giữa các phòng ban trong công ty.

c. Nội dung kết cấu và ph-ong pháp ghi sổ

* Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Nội dung: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian (nhật ký). Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra, đối chiếu số liệu với Bảng cân đối số phát sinh.

- Kết cấu và ph-ong pháp ghi chép:

Cột 1: Ghi số hiệu của chứng từ ghi sổ

Cột 2: Ghi ngày, tháng lập chứng từ ghi sổ

Cột 3: Ghi số tiền của chứng từ ghi sổ

Cuối trang sổ phải cộng số lũy kế để chuyển sang trang sau.

Đầu trang sổ phải ghi số cộng trang trước chuyển sang.

Cuối tháng, cuối năm, kế toán cộng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, lấy số liệu đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh.

* Sổ cái

- *Nội dung*

Sổ cái là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán đã quy định trong chế độ tài khoản kế toán.

Số liệu ghi trên sổ cái dùng để kiểm tra, đối chiếu với số liệu ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, dùng để lập các báo cáo tài chính.

- *Kết cấu và phương pháp ghi sổ cái*

Sổ Cái của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được mở riêng cho từng tài khoản.. Mỗi tài khoản được mở một trang hoặc một số trang tùy theo số lượng ghi chép các nghiệp vụ phát sinh nhiều hay ít của từng tài khoản.

Sổ Cái có 2 loại: Sổ Cái ít cột và Sổ Cái nhiều cột

+ Sổ Cái ít cột: thường áp dụng cho những tài khoản có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn giản.

+ Sổ Cái nhiều cột: thường được áp dụng cho những tài khoản có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp cần phải theo dõi chi tiết có thể kết hợp mở riêng cho một trang sổ trên Sổ Cái và được phân tích chi tiết theo tài khoản đối ứng.

* *Phương pháp ghi Sổ Cái*

- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ cái ở các cột phù hợp

+ Cột ghi ngày, tháng ghi sổ

+ Cột số hiệu và ngày, tháng của chứng từ ghi sổ

+ Cột diễn giải nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

+ Ghi số tiền ghi Nợ, ghi Có của tài khoản vào các cột phù hợp

- Cuối mỗi trang phải cộng tổng số tiền theo từng cột và chuyển sang đầu trang sau

- Cuối kỳ (tháng, quý), cuối niên độ kế toán phải khoá sổ, cộng tổng số phát sinh Nợ và Có, tính ra số d- của từng tài khoản để làm căn cứ lập Bảng Cân đối số phát sinh và các Báo cáo tài chính.

* Sổ, thẻ kế toán chi tiết

- *Nội dung*

Sổ, thẻ kế toán chi tiết là sổ dùng để phản ánh chi tiết cụ thể từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng kế toán riêng biệt mà trên sổ kế toán tổng hợp chỉ phản ánh đ-ợc.

Số liệu trên sổ kế toán chi tiết cung cấp các chỉ tiêu chi tiết về tình hình tài sản, vật t-, tiền vốn, tình hình hoạt động và kết quả SXKD của doanh nghiệp làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

Trong hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, có thể mở các sổ, thẻ kế toán chi tiết chủ yếu sau đây:

- + Sổ tài sản cố định
- + Sổ chi tiết vật t-, sản phẩm, hàng hoá
- + Thẻ kho
- + Sổ chi phí sản xuất
- + Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ
- + Sổ chi tiết chi phí trả trước, chi phí phải trả
- + Sổ chi tiết tiền gửi, tiền vay
- + Sổ chi tiết thanh toán: với ng-ời mua, ng-ời bán, thanh toán nội bộ,

thanh toán với ngân sách

- + Sổ chi tiết các khoản đầu t- chứng khoán
- + Sổ chi tiết tiêu thụ

- *Kết cấu và ph-ương pháp ghi chép*

Mỗi đối tượng kế toán có yêu cầu quản lý và phân tích khác nhau, do đó nội dung, kết cấu các loại sổ và thẻ kế toán chi tiết đ-ợc quy định mang tính h-ớng dẫn. Tùy theo yêu cầu quản lý và phân tích, từng doanh nghiệp có thể mở và lựa chọn các mẫu sổ kế toán chi tiết cần thiết, phù hợp.

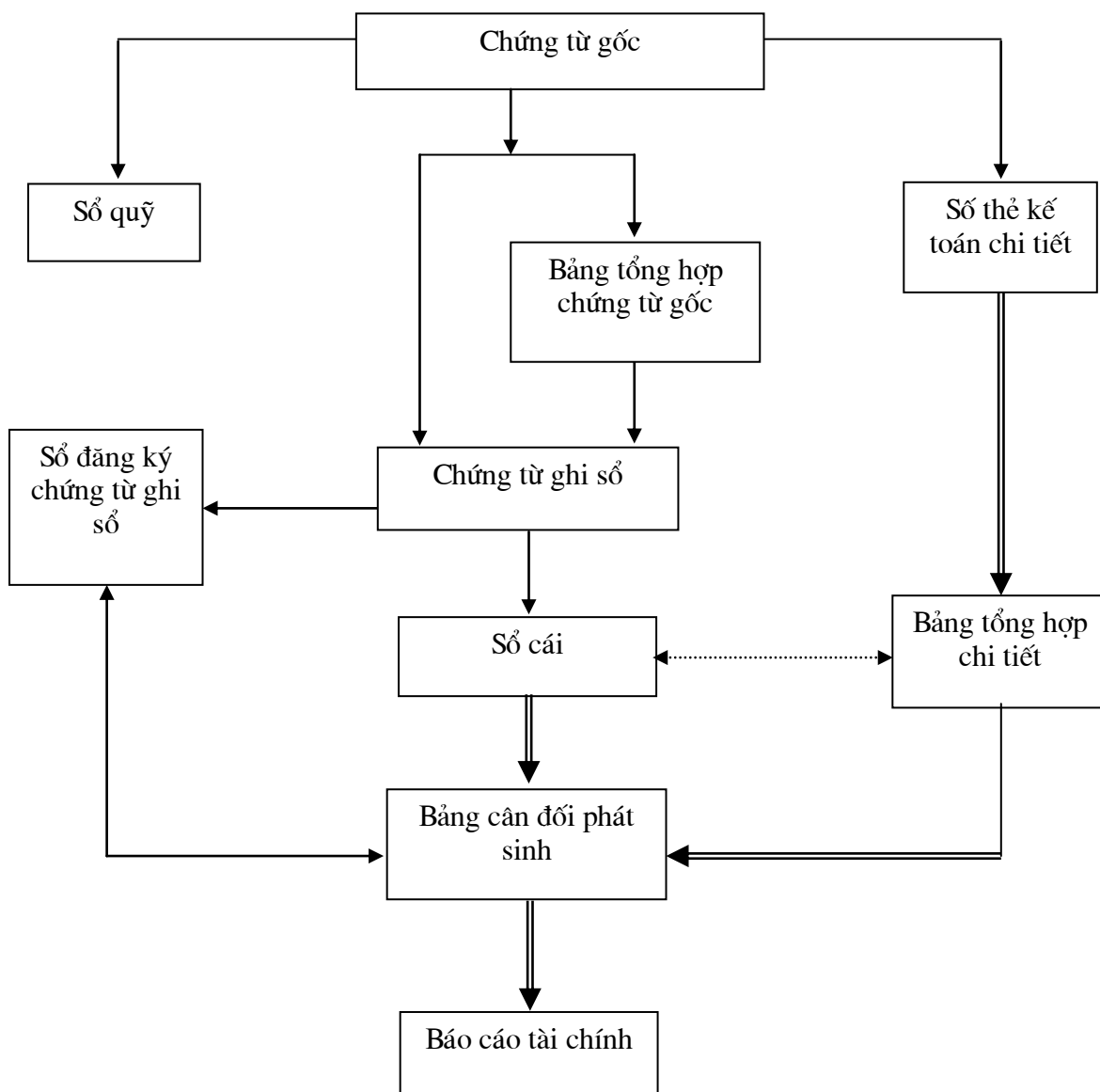
Căn cứ để ghi sổ, thẻ kế toán chi tiết là chứng từ gốc sau khi sử dụng để lập chứng từ ghi sổ và ghi vào các sổ kế toán tổng hợp.

Cuối tháng hoặc cuối quý phải lập Bảng tổng hợp chi tiết trên cơ sở các sổ và thẻ kế toán chi tiết để làm căn cứ đối chiếu với Sổ Cái.

d. Hệ thống sổ sách

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Trình tự luân chuyển chứng từ có thể khái quát thành sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3



- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
- Đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn, chiến lược phát triển kinh doanh:

2.1.3.1. Thuận lợi:

Công ty TNHH TM Cường Phương là công ty chuyên kinh doanh các mặt hàng thiết bị và linh kiện hàng may mặc, thương mại dịch vụ với mặt hàng kinh doanh đa dạng nhiều chủng loại, chiếm lĩnh kinh doanh tốt phục vụ khách hàng tận tình hơn nữa địa điểm đặt trụ sở của công ty nằm ngay trung tâm thành phố một nút giao thông quan trọng cùng với một hệ thống cửa hàng chi nhánh trải rộng khắp các vùng lân cận đã đẩy sự ảnh hưởng của công ty lên một tầm cao mới. Trong thời buổi nền kinh tế thị trường thì nhu cầu về ngành may mặc không ngừng nâng cao không những về chủng loại đa dạng của hàng hoá mà còn cả về chất lượng lẫn phong cách, dẫn đến các công ty, các cơ sở tư nhân về ngành may mặc mọc lên như nấm sau mưa thúc đẩy nhu cầu về công nghệ ngành may mặc, đó cũng là một trong những thuận lợi của công ty.

2.1.3.2. Khó khăn:

Trong nền kinh tế thị trường sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, công ty lại có quy mô nhỏ nguồn vốn chắt chiu nên chắt chiu có sự với tay rộng ra thị trường. Trong khâu phục vụ khách hàng công ty chắt chiu thực sự chú ý đến việc quan tâm chăm sóc khách hàng nên sự cạnh tranh trên thị trường là chắt chiu thực sự cao và có hiệu quả. Công ty chắt chiu có bề dày lẫn bề dài của lịch sử hình thành nên vẫn đang trên con đường đi thiết lập uy tín, chất lượng, thương hiệu của mình trên thị trường, đây là nút quan trọng của khâu marketing nhưng công ty không mấy quan tâm về vấn đề này điều đó dẫn đến sự hạn chế tầm nhìn xa của công ty trên thị trường cũng như trong giới thương mại nghiệp vụ.

2.1.3.3. Chiến lược phát triển kinh doanh:

Để hoà mình được vào nhịp độ phát triển ngày càng chóng mặt của nền kinh tế thị trường hiện nay công ty TNHH TM Cường Phương thực sự phải chú ý đến và phải quan tâm đầu tư đến đó là khâu marketing đầu ra cho sản phẩm của mình. Cần phải có thêm các chiến lược khuyến mại, bảo hành, phục vụ tận tình, đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu để khuyến khích họ đến với mình. Công ty cần nhìn xa tay rộng của mình đến với các ngành nghề kinh doanh để đa dạng chủng loại hàng hoá, tiện việc phục vụ khách hàng hơn nữa.

Công ty đang có dự định cho t-ong lai gần đây là sẽ mở rộng hệ thống chi nhánh của mình, tăng c-ờng nhân lực vật lực cho phòng kinh doanh để tập chung hoàn thiện đầu ra cho sản phẩm của mình. Thực hiện chế độ bảo hành sản phẩm và chủ tr-ong khuyến mại cho khách hàng, thực hiện chiết khấu th-ong mại, giảm giá đồng thời thực hiện các ph-ong thức khác có hiệu quả hơn để khuyết ch-ong, khẳng định th-ong hiệu của mình trên thị tr-ờng trong n-ớc và có dự định tiếp tục v-ơn xa hợp tác làm ăn với các bạn hàng ngoài n-ớc.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong tại công ty TNHH TM C-ờng Ph-ong

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

* *Nội dung:* Do mô hình hoạt động của công ty là th-ong mại chủ yếu là kinh doanh máy móc thiết bị ngành may mặc, linh kiện thiết bị ngành may .Nên mặc dù quy mô của doanh nghiệp là vậy nh-ng hình thức kinh doanh th-ong mại vẫn là chủ yếu. Nên doanh thu chính của công ty là

- Doanh thu về kinh doanh máy móc thiết bị ngành may
- Doanh thu về kinh doanh linh kiện ngành may

Mô hình của công ty là vừa và nhỏ nên không có cấp trên cấp d-ới nên không có doanh thu nội bộ

Hình thức doanh thu của công ty chủ yếu là bằng tiền mặt và bằng tiền gửi ngân hàng. Các khách hàng lớn của doanh nghiệp cũng không đ-ợc nợ quá 3 tháng, sau 3 tháng Công ty sẽ tính theo lãi suất ngân hàng, còn khách lẻ thì hầu hết thanh toán bằng tiền mặt

* *Các chứng từ mà Công ty sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL), Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1 (màu tím): lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.
- + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng.
- + Liên 3 (màu xanh): luân chuyển nội bộ.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu thu.

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

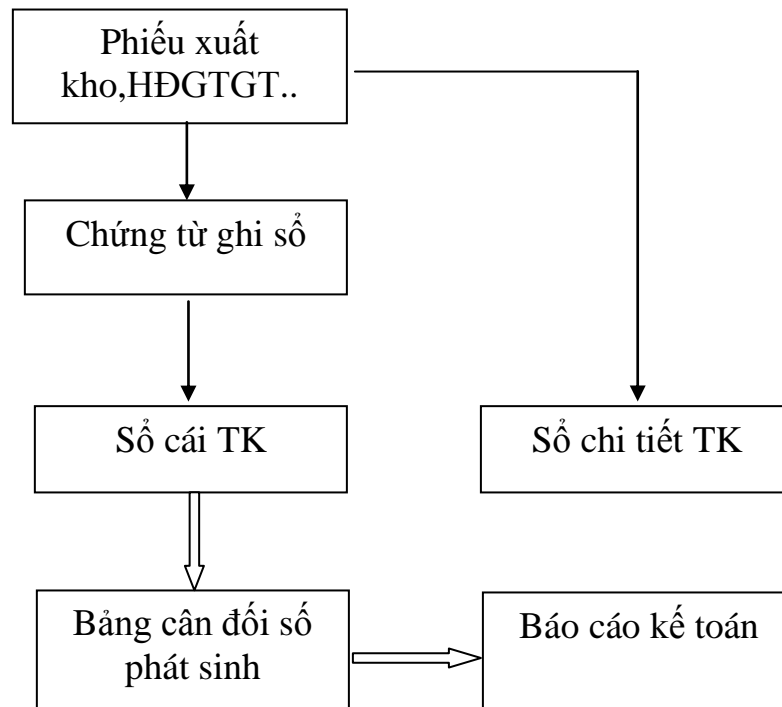
TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Các TK khác có liên quan như: 111, 112, 3331,...

- Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu tại công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quy trình hạch toán Doanh thu tại Công ty đ- ợc kế toán ghi chép sổ sách nh- sau: Từ HĐ GTGT, phiếu thu (nếu công ty bán hàng và thu bằng tiền mặt), giấy báo Có của Ngân hàng (nếu công ty bán hàng thu bằng TGNH), luân chuyển chứng từ. Kế toán tập hợp lại và ghi chép vào các Chứng từ ghi sổ

Cuối tháng kế toán tổng hợp lại vào Sổ cái của các tài khoản liên quan và bảng cân đối số phát sinh

VD 01: Ngày 1/12/2010 công ty xuất bán cho công ty TNHH NAM INTERNATONAL 2 bộ cặng chun dành cho máy TY-747 và TY-457 với giá thanh toán là 1.540.000 đồng, thuế GTGT 10%, đơn giá xuất là 239.550 đồng/bộ

Phiếu xuất kho (biểu số 2.1), HĐ GTGT số 4468 (Biểu 2.2), phiếu thu số 20 (Biểu số 2.3), cuối tháng kế toán tập hợp lại và vào các chứng từ ghi sổ và các sổ cái (từ biểu số 2.4 đến biểu số 2.7)

Biểu số 2.1. : Phiếu xuất kho

CTY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP		Mẫu số: 01-VT Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC					
PHIẾU XUẤT KHO							
			Số CT: 132/050 TK ghi nợ: 632 TK ghi có: 156				
Họ tên người nhận hàng		: Nguyễn Văn Bắc					
Diễn giải		: Xuất hàng bán cho công ty TNHH NAM LE INTERNATONAL					
Xuất tại kho		: Kho công ty					
TT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bộ căng chun dùng cho máy TY-747 và TY - 457	CTY	Bộ	2	239 500	479 100	
	Cộng					479 100	
Xuất ngày 1 tháng 12 năm 2010 Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng chẵn							
Phụ trách phòng (Ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)			

Biểu số 2.2: Hoá đơn GTGT

HÓA ĐƠN		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT-3LL DL/2010B N: 0004468	
Liên 3: Nội bộ		Ngày 1 tháng 12 năm 2010			
Đơn vị bán hàng	: Công ty TNHH TM Cường Phương				
Địa chỉ	: Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP				
Số tài khoản	: 3002.567.001				
Điện thoại.....MST	0200449829.....				
Họ tên người mua hàng	: Nguyễn Minh Hưng				
Tên đơn vị	: Công ty TNHH NAM LEE INTERNATIONAL				
Địa chỉ	: Thị trấn Phú Thái, Kim Thành, Hải Dương				
Số tài khoản	: 3. 150. 002-12				
Hình thức thanh toán:.....TM.....MST	07002345409.....				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Bộ căng chun dung cho máy TY-747 và TY-457	Bộ	2	700 000	1 400 000
Cộng tiền hàng					1 400 000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT: 140 000			
Tổng cộng tiền thanh toán:					1 540 000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng, đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.3: Phiếu thu

Đơn vị: CTY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG
 Địa chỉ: Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP
 Mã số thuế: 0200449829

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC
 Số CT 2010
 TK ghi nợ : 1111
 TK ghi có : 5111
 3331

PHIẾU THU
 Ngày 1/12/2010

Người nộp tiền : Nguyễn Thúy Mùi
 Địa chỉ : Bộ phận bán hàng
 Lý do : Thu tiền bán hàng theo **HĐ 4468**
 Số tiền : 1 540 000
 Bằng chữ : Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn
 Kèm theo : 02 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
 (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người nộp tiền
 (Ký, họ tên)

Ngày 1 tháng 12 năm 2010
Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Chứng từ ghi sổ số 141

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số: 141				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Bán hàng thu bằng TM theo HĐ 4468	111	5111	1 400 000	
2. Thu tiền hàng công ty CP may Nam Hà	111	5111	9 239 000	
.....				
19. Thu tiền hàng công ty TNHH Ngọc Ph- ơng	111	5111	38 134 120	
.....				
Cộng			101 162 654	
Kèm theo ... chứng từ gốc			Ngày 31 tháng 12 năm 2010	

Biểu số 2.5: Chứng từ ghi sổ số 142

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng

Mẫu số S 02a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỐ

Số: 142

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Thuế GTGT theo HĐ 4468	111	33311	140 000	
2. Thuế GTGT công ty CP may Nam Hà	111	3331	923 900	
.....				
19. Thuế GTGT công ty TNHH Ngọc Ph- ơng	111	3331	3 813 412	
.....				
Cộng			8 254 938	

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu số 2.6: Sổ cái tài khoản 5111

Ngày tháng ghi sổ			Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
		Số hiệu	Ngày tháng	Nợ			Có		
A	B	C	D	E	1	2	G		
			Tháng 12						
			<u>Số d- đầu tháng</u>						
31/12	141	31/12	Bán hàng thu bằng TM	111		101 162 654			
31/12	143	31/12	Bán hàng thu bằng TG NH	112		1 335 977 601			
31/12	145	31/12	Bán hàng ch- a thu tiền	131		2 035 789 730			
31/12	151	31/12	Kết chuyển 511-911	911	3 472 929 985				
			Cộng PS		3 472 929 985	3 472 929 985			
			<u>Số d- cuối tháng</u>						

Biểu số 2.7 : Sổ chi tiết TK 511

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511						
DOANH THU BÁN HÀNG						
Tháng 12/2010						
CHUNG TỪ		NGÀY THÁNG	DIỄN GIẢI		NỢ TK 511	CÓ TK 511
PT	SỐ HĐ					
			<u>Số dư đầu tháng 12/2010</u>			<u>0</u>
		1/12/10	Thu tiền hàng - Cty TNHH NAM LEE INTERNATIONAL	111		1,400,000
					
		9/12/10	Thu tiền hàng - Cty CP May Nam Hà	111		9,239,000
					
		31/12/10	Thu tiền hàng - Cty TNHH Ngọc Phương	111		38 134 120
		8/12/10	Cty CP May Hà Tĩnh - TT tiền hàng HD46950 ngày 7/12/09	112		27,718,500
HD469 50		14/12/10	Cty TNHH May & DV KT MIPAR - Trả 1 phần tiền hàng HD91764 ngày 14/12/09	112		108,971,510
HD917 64		15/12/10	Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân - Trả 1 phần tiền hàng HD91761 ngày 9/12/09	112		304,975,740
					
HD917 71		31/12/10	Tr- ờng Dạy Nghề Ng- ời Tàn Tật HP - TT tiền hàng HD91776 ngày 29/12/09	112		880,952,381
HD917 76		3/12/10	CTCP May Sơn Hà- nợ tiền hàng	131		55,449,000
HD469 43		7/12/10	Cty TNHH MTV Thiên Sương- nợ tiền hàng	131		396,000,000
					
HD917 68		25/12/10	CTCP Tiên Hưng- nợ tiền hàng	131		115,493,750
					
HD917 91		31/12/10	Cty TNHH may XK Trung Kiên- nợ tiền hàng	131		125,172,000
HD917 92		31/12/10	Kết chuyển TK 511-TK 911	911	3,382,694 ,331	
			Tổng cộng T12/10		3,382,694, 331	3,382,694,33 1
			Luỹ kế		21,662,12 3,915	21,662,123,91 5

Biểu số 2.8: Sổ cái tài khoản 3331

Ngày tháng ghi sổ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng	Nợ			Có		
A	B	C	D	E	1	2	G
			Tháng 12			<u>2 052 494</u>	
			<u>Số d- đầu tháng</u>				
31/12	142	31/12	VAT phải nộp	111		8 254 938	
31/12	144	31/12	VAT phải nộp	112		74 204 142	
31/12	146	31/12	VAT phải nộp	131		94 772 285	
31/12	150	31/12	Nộp tiền VAT phát sinh trong T11	111	2 076 182		
31/12	153	31/12	VAT đ-ợc khấu trừ	133	176 361 284		
			Cộng PS		178 437 466	177 231 365	
			<u>Số d- cuối</u>			846 393	

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

* Nội dung:

- Phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

* Các chứng từ mà Công ty sử dụng:

- Phiếu xuất kho: được lập thành 3 liên

+ Liên 1 : lưu tại quyền

+ Liên 2 : giao cho kế toán và thủ trưởng đơn vị ký rồi lưu lại phòng kế toán..

+ Liên 3: Giao cho thủ kho và lưu trữ tại bộ phận kho

- Chứng từ ghi sổ

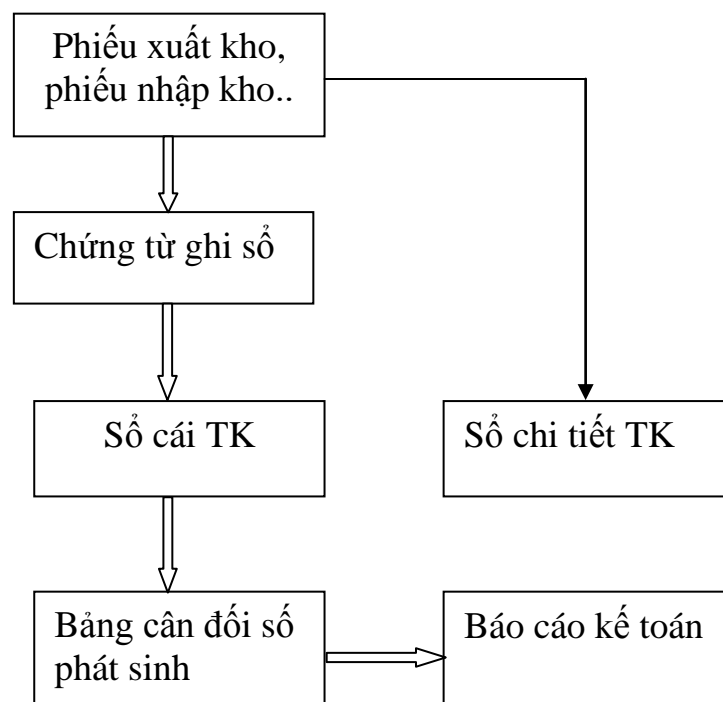
- Sổ cái TK 632

* Tài khoản sử dụng:

TK 632- Giá vốn hàng bán

TK 156 - Hàng hoá

Quy trình hạch toán:



Ghi chú: Ghi hàng ngày: → Ghi cuối tháng ⇨

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán Giá vốn tại công ty TNHH TM Công Nghệ Ph-ong

Một số ví dụ bảng biểu minh họa:

Lấy lại ví dụ trong phần kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ngày 01/12/2010 công ty TNHH TM C- ồng Ph- ong xuất kho bán cho công ty TNHH NAM LEE INTERNATONAL 2 bộ cặng chun dùng cho máy TY-747 và TY-457 , đơn giá ch- a thuế GTGT là 239.550 đồng/1 bộ.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán làm nh- sau:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã kí kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh viết giấy đề nghị xuất kho và hóa đơn GTGT. Phiếu xuất kho sau khi viết xong, thủ kho xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số l- ợng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó thủ kho chuyển phiếu xuất kho lên kế toán. Từ dòng cộng tổng trên sổ chi tiết 156 kế toán vào chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 632.

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

CTY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP		Mẫu số: 01 -VT Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC					
PHIẾU XUẤT KHO							
			Số CT: 132/050 TK ghi nợ: 632 TK ghi có: 156				
Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Bắc							
Diễn giải: Xuất hàng bán cho công ty TNHH NAM LEE INTERNATONAL theo HĐ4468							
Xuất tại kho: Kho công ty							
TT	Tên vật tư(hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bộ cặng chun dùng cho máy TY-747 và TY-457	CTY	Bộ	2	239 550	479 100	
	Cộng					479 100	
Xuất ngày 1 tháng 12 năm 2010							
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng chẵn.							
Phụ trách phòng (ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (ký, họ tên)	Người giao hàng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)			

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐHDL HẢI PHÒNG

STT	Chứng từ		Ngày	Tên hàng hoá	ĐVT	Đơn giá	Tồn đến 1/12/2009		Nhập		Xuất		Tồn đến 31/12/2009	
	Nhập	Xuất					SL	Trị giá	SL	Trị giá	SL	Trị giá	SL	Trị giá
							
40				Máy may CN 2kim TK-845	Bộ	7,535,480	8	60,283,840		-		-	8	60,283,840
41				Máy may 1kim CN TK-8500HL	Bộ	2,155,275	4	8,621,100		-		-	4	8,621,100
42		1A	1/12	Bộ căng chun dùng cho máy TY-747 và TY -457	Bộ	239,550	6	1,437,300		-	2	479,100	4	958,200
43				Máy may CN TK926SP	Bộ	22,393,000	1	22,393,000		-		-	1	22,393,000
44				Máy vắt sô CN	Cái	820,000	5	4,100,000		-		-	5	4,100,000
45				Máy cắt vải CN	Cái	1,950,000	5	9,750,000		-		-	5	9,750,000
46				Máy ghim mác	Cái	60,000	42	2,520,000		-		-	42	2,520,000
47		37B	30/12	Băng tải ép mex CN(xuất xứ Hàn Quốc) kích thước 50mx2.4m	Cuộn	2,127,363	21	43,685,404		-	1	2,127,363	20	41,558,041
48				Máy cắt vải CN TY-A200(28")	Bộ	1,806,870	1	1,806,870		-		-	1	1,806,870
49				Máy cắt vải CN TY-A200(22")	Bộ	1,805,937	1	1,805,937		-		-	1	1,805,937
									
78				Máy vẽ phác mẫu 200RP	Bộ	61,218,000	1	61,218,000		-		-	1	61,218,000
79				Hệ thống băng mã số liệu RP-D3648C	Bộ	16,110,000	1	16,110,000		-		-	1	16,110,000
80				Máy 2kim di động đồng bộ TY-845-5	Bộ	9,311,580	4	37,246,320		-		-	4	37,246,320
									
623	5C		25/12	Máy vắt sô CN TY-757	Bộ	2,950,000	-	-	22	64,900,000		-	22	64,900,000
624	5C		25/12	Máy viền 3kim CN TY-F007J-W122-356-FHA	Bộ	6,230,000	-	-	16	99,680,000		-	16	99,680,000
625	5C		25/12	Máy may 1kim CN chân vịt bước TY-3300-1	Bộ	2,500,000	-	-	10	25,000,000		-	10	25,000,000
627	8		31/12	Máy khâu 13kim VC008-1332-032P	c	18,831,025	-	-	3	56,493,075		-	3	56,493,075
				Tổng cộng tháng 12/2009				270,977,771		248,723,075		2,606,463		517,094,383
				Luỹ kế						16,221,279,594		16,313,778,197		

Biểu số2.10: Số chi tiết tài khoản 156

Biểu số 2.11: Chứng từ ghi sổ số 147

Công ty TNHH TM Công nghiệp Ph-ong		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số: 147				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Xuất kho bộ căng chun dành cho máy TY-747 và TY- 457	632	156	479 100	
.....				
8. Máy trần viên đồng bộ TY-F0075-W 222-356K bộ TY-F0075-W222-356K	632	156	42 401 040	
.....				
17. Máy cuốn ống 3 kim móc xích CM 928 XH-2PL	632	156	40 380 600	
.....				
31. Máy hàn MIC/MAG Paragon 350-380V-18,5 kW	632	156	280 000 000	
.....				
42. Máy đính cúc JUKI	632	156	223 600 000	
Cộng			3 219 437 677	
Kèm theo ... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.12: Sổ cái tài khoản 156

Công ty TNHH TM Công Ph-ong

Mẫu số S 02c1 – DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu: 156

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Tháng 12		<u>20 539 078 760</u>		
			<u>Số d- đầu tháng</u>				
31/12	137	31/12	Thanh toán bằng TM	111	57 527 250		
31/12	138	31/12	Phải trả ng-ời bán	331	2 971 905 705		
31/12	147	31/12	Giá vốn hàng bán	632		3 219 437 677	
			Cộng PS		3 029 432 955	3 219 437 677	
			<u>Số d- cuối tháng</u>		<u>20 349 074 038</u>		

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ờng			Mẫu số S 02c1 – DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)				
SỔ CÁI							
Năm: 2010							
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán							
Số hiệu: 632							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Tháng 12 <u>Số d- đầu</u> tháng				
31/12	147	31/12	Xuất kho bán hàng hóa	156	3 219 437 677		
31/12	149	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa	911		3 219 437 677	
			Cộng PS		3 219 437 677	3 219 437 677	

2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Tài khoản 642)

* Nội dung: Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra đ- ợc cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại nh- chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

*. Các chứng từ mà Công ty sử dụng:

- Hoá đơn tiền điện, tiền n- ớc phát sinh phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp

- Phiếu chi (lập thành 3 liên)

+ Liên 1: Giao cho khách hàng

+ Liên 2: L- u tại phòng tài chính kế toán

+ Liên 3: L- u tại quyển

- Giấy uỷ nhiệm chi (nếu doanh nghiệp thanh toán bằng TGNH)

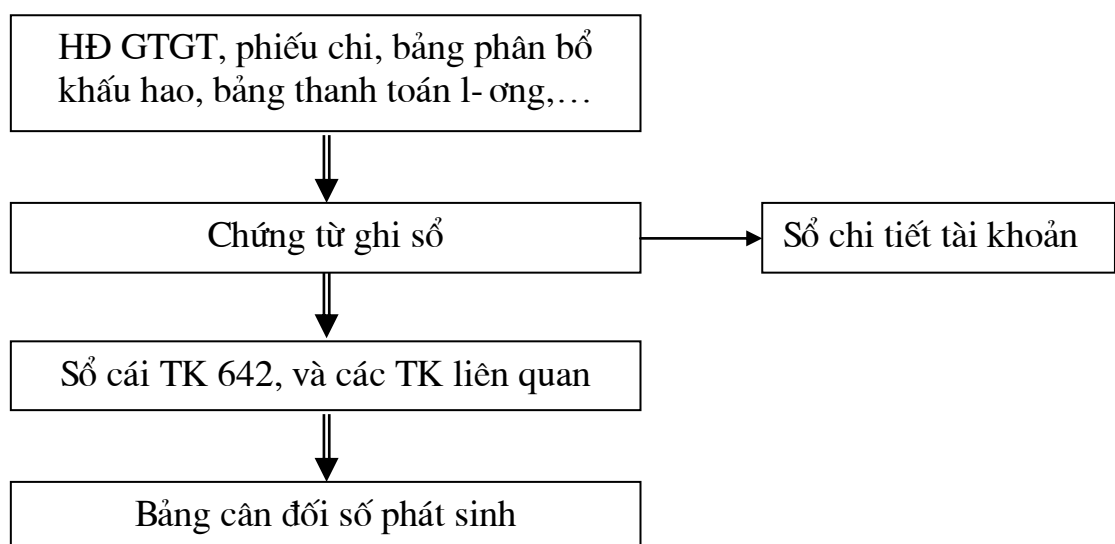
* Tài khoản sử dụng:

TK 642 - Chi phí QLDN

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Các TK liên quan nh- : 111, 112, 331

* Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Chi phí QLDN tại công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng

Quy trình hạch toán Chi phí QLDN tại Công ty đ- ợc kế toán ghi chép sổ

sách nh- sau: Từ phiếu HĐ GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán l- ong, Kế toán viết phiếu chi thành 3 liên sau đó kế toán tập hợp lại và ghi vào chứng từ ghi sổ

Cuối tháng kế toán tổng hợp lại vào Sổ cái TK 642, và các TK liên quan, cuối cùng vào bảng cân đối số phát sinh và bảng báo cáo kết quả kinh doanh

VD: Ngày 28/12/2010 kế toán về chi phí QLDN phát sinh nghiệp vụ thanh toán tiền điện thoại bằng tiền mặt theo số HĐ GTGT số 728007 (biểu số 2.2.3.1), trình tự ghi vào sổ kế toán nh- sau:

Đầu tiên, kế toán lập phiếu chi (biểu số 2.2.3.2),

Tiếp theo kế toán vào các chứng từ ghi sổ (biểu số 2.2.3.3), và cuối cùng vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.2.3.4) và sổ cái TK 111

Biểu số 2.14: Hoá đơn GTGT số 728007

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Địa chỉ: Đường Lê Hồng Phong, Hải An, HP Tel: 1800 8198 Fax: 04.8649640		HÓA ĐƠN (GTGT) BILL (VAT) Liên 2: Giao khách hàng		VIETTEL Mẫu số: 01 GTKH-2LN-09 Seri: BA/2007T Số: 728007	
MS:	01 0068620 9 001				
Tên khách hàng:	Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng				
Địa chỉ:	Số 1, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP				
MS:	02 00449829				
Số thuê bao:	097435397	Mã số khách hàng:	0000045502		
C- ớc từ ngày:	01/12/2001 đến ngày 31/12/2010				
Khoản	(Item)	Số tiền (Amount)			
C- ớc dịch vụ thông tin di động	(Mobile phone service charges)	1 169 545			
Cộng tiền (1)	(Total)	1 169 545			
Thuế suất GTGT: 10% x tiền thuế GTGT (2)	(Value Added Tax)	116 955			
Tổng cộng tiền thanh toán (3) = (1) + (2)	Group total	1 286 450			
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm tám m- ời sáu nghìn bốn trăm năm m- ời đồng chẵn					
Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Nhân viên giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên)					

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 101

CÔNG TY TNHH CÔNG PHÔNG	Mẫu số 01-TT QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tr-ởng BTC	
PHIẾU CHI		
Số: 101		
Ngày 31/12/2010		
	TK ghi nợ: 642	1 169 545
	TK ghi nợ: 133	116 955
	TK ghi có: 111	1 286 450
Họ tên ng-ời nhận tiền:	Tổng cty viễn thông quân đội	
Địa chỉ :	Đ-ờng Lê Hồng Phong, Hải An,HP	
Lý do chi :	Chi tiền điện thoại theo HĐ 72807	
Số tiền:	1 286 450	
Bằng chữ	Một triệu hai trăm tám m-ời sáu nghìn bốn trăm năm m-ơI đồng chẵn	
Kèm theo ...01...chứng từ gốc		
Ngày 31 tháng 12 năm 2010		
Thủ tr-ởng	Kế toán Ng-ời lập	Thủ quỹ Ng-ời
	tr-ởng	phiếu
		nhận tiền
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....		
+ Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....		
+ Số tiền quy đổi.....		

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết TK 642

SỔ CHI TIẾT TK642
CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG
Tháng 12/2010

CHỨNG TỪ		NGÀY	DIỄN GIẢI	TKĐ U	NỢ TK 642	CÓ TK642
PT	PC					
			Số d đầu tháng 12/2010		0	
		01/12/10	TT tiền mua sách hướng dẫn trích khấu hao - Cửa hàng sách biểu mẫu	111	295,000	
		02/12/10	TT tiền vé máy bay - Cty TNHH Thiên Bách	111	3,293,000	
					
		19/12/10	TT tiền cước điện thoại di động - Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội	111	1,169,545	
		19/12/10	TT tiền cước điện thoại di động - Công ty Thông Tin Di Động Khu Vực V	111	1,933,185	
					
HD43101		1/12/10	CTCP TM Gia Trang- nợ tiền xăng dầu	331	18,876,911	
HD46868		24/12/10	Cty TNHH vận tải Thái Hải- nợ tiền cước vận chuyển	331	52,525,000	
		31/12/10	K/C long tháng 12/2009 vào chi phí	334	53,893,803	
		31/12/10	K/C 15% BHXH, 2% BHYT của T12/09 vào chi phí	338	2,217,701	
		31/12/10	K/C 50% bảo hiểm thất nghiệp vào chi phí	338	130,453	
		31/12/10	K/C chi phí khấu hao tháng 12/09	214	46,370,394	
		31/12/10	Cty TNHH TM và DV tin học HTP-phân bổ chi phí Trả tiền mua máy tính	142	986,191	
		31/12/10	Kho Bạc NN Kim Thành - Phân bổ tiền thuế đất trên Hải Đông năm 2009	142	5,687,500	
		31/12/10	Cty CP VT& TM Việt Nam- phân bổ tiền mua máy fax vào CP	142	1,378,571	
		31/12/10	K/c TK 642- TK 911	911		188,757,254
			Tổng cộng Tháng 12/10		188,757,254	188,757,254
			Luỹ kế		2,105,427,628	2,105,427,628

Biểu số 2. 17: Chứng từ ghi sổ số 154

Công ty TNHH TM Cường Phương		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:154				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Chi tiền điện thoại theo HĐ 728007	642	111	1 169 545	
2. Thuế GTGT đ- ọc khấu trừ theo HĐ 728007	133	111	119 955	
Cộng			1 286 450	
Kèm theo... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Ngày tháng ghi sổ			Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
		Số hiệu	Ngày tháng	Nợ			Có		
A	B	C	D	E	1	2	G		
			Tháng 12 <u>Số d- đầu tháng</u>						
31/12	154	31/12	Thanh toán tiền điện thoại theo HĐ 72807	111	1 169 545				
...		
31/12	165	31/12	Ch- a thanh toán	331	71 401 911				
31/12	166	31/12	K/C l- ơng	334	53 893 803				
31/12	167	31/12	K/C BHYT, BHXH, BHTN	338	2 348 154				
31/12	168	31/12	KH TSCĐ	214	46 370 394				
31/12	169	31/12	Phân bổ chi phí trả tr- ớc	142	8 052 262				
31/12	149	31/12	K/c chi phí QLDN			264 712 590			
			Cộng PS		264 712 590	264 712 590			

2.2.4. Kế toán thu nhập và chi phí khác

2.2.4.1. Kế toán thu nhập khác:

* *Nội dung:* Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của Doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập đ- ợc tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông th- ờng của DN, nội dung cụ thể sau:

- Thu nhập từ nh- ợng bán, thanh lý TSCĐ
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo ph- ơng thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động
- Tiền thu đ- ợc do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản tiền th- ờng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm tr- ớc bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán nay phát hiện ra.

Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất th- ờng xuyên, khi phát sinh đều phải có các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới đ- ợc ghi sổ kế toán.

Nghiệp vụ thu lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh không nhiều và không th- ờng xuyên nên doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác

Trong năm công ty không phát sinh thêm các khoản thu nhập khác.

* ***Tài khoản sử dụng:***

TK 711 - Thu nhập bất th- ờng

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

TK liên quan nh- : 112

Trong năm 2010, công ty TNHH TM Cường Phương không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến thu nhập khác nên em không đề cập đến trong bài khóa luận này.

2.2.4.2. Chi phí khác:

* *Nội dung:*

- Chi phí thanh lý, nhượng bán (bình thường)
- Giá trị còn lại hoặc giá bán TSCĐ nhượng bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động
- Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Khoản bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do ghi nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Trường An thì hạch toán chi phí mua séc vào chi phí khác

** Các chứng từ mà Công ty sử dụng:*

- Sổ tài khoản chi tiết TGNH được mở tại Ngân hàng công thương Lê Chân
- Phiếu đề nghị bán séc kèm phiếu trả tiền
- Phiếu thu dịch vụ kèm hoá đơn

** Tài khoản sử dụng:*

TK 811 - Chi phí khác

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

TK liên quan nh- : 112

Ví dụ: Ngày 31/07/2010 công ty TNHH TM Công Thương bị nộp phạt cho công ty TNHH Đăng Thành do vi phạm hợp đồng đã ký kết đến hạn giao hàng nh- ng ch- a giao kịp. Số tiền bị phạt là 990.000 đồng.

Trong năm 2010, công ty TNHH TM Công Thương chỉ phát sinh duy nhất một khoản chi phí khác này.

Biểu 2.19: Chứng từ ghi sổ số 171

Công ty TNHH TM Công Ph-ong		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ong BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:171				
Ngày 31 tháng 7 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Phạt do vi phạm hợp đồng với công ty TNHH Đăng Thành	811	111	990 000	
Cộng			990 000	
Kèm theo ... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 7 năm 2010				

Biểu 2.20: Sổ cái TK 811

Ngày tháng ghi sổ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng	Nợ			Có		
A	B	C	D	E	1	2	G
			Tháng 7 <u>Số d- đầu tháng</u>				
31/7	171	31/7	Nộp tiền phạt	111	990 000		
19/7	172	31/7	K/C chi phí khác	991		990 000	
			Cộng PS tháng 12		990 000	990 000	

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động Tài chính và chi phí hoạt động TC**2.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm các khoản như lãi tiền gửi.....

2.2.5.1.1 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 515

Tài khoản cấp 2

TK 5151 Lãi tiền gửi, lãi cho vay

TK 5152 Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu

TK 5153 Cổ tức, lợi tức được chia

TK 5154 Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái

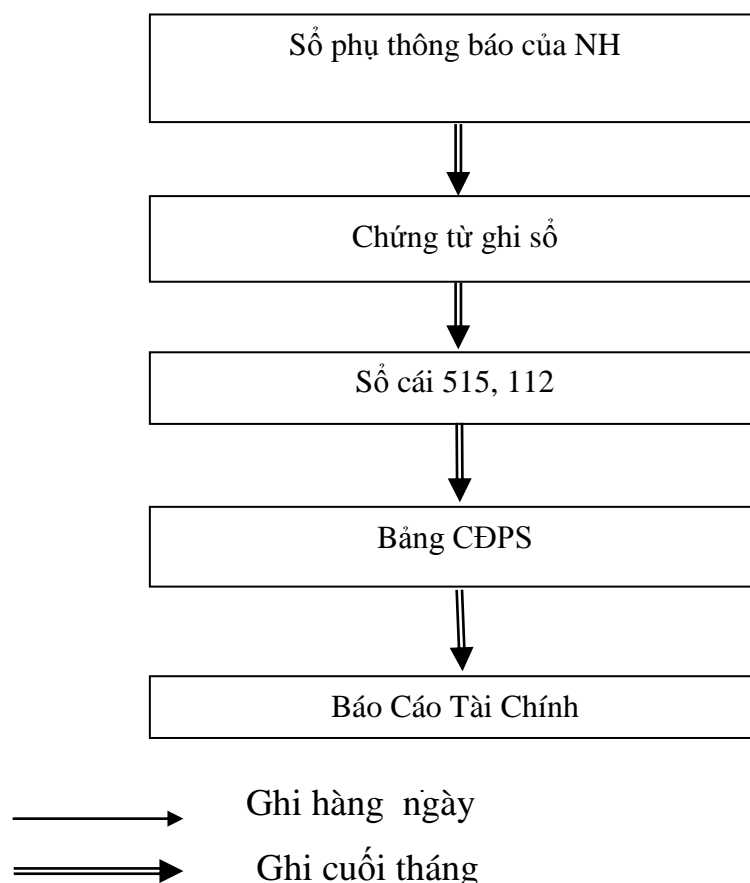
TK 5155 Chiết khấu thanh toán được hưởng

TK 5156 lãi bán hàng trả chậm

Tk 5158 doanh thu hoạt động TC khác

2.2.5.1.2. Phương thức hạch toán

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ luân chuyển chứng từ



Ví dụ 5:

Ngày 31/12 Ngân hàng thương mại Á Châu trả lãi tiền gửi bằng chuyển khoản số tiền là 11.658.216 đồng

Trình tự ghi sổ:

Sổ phụ, giấy báo có

Chứng từ ghi sổ

Sổ cái 515, 112

Biểu 2.21

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ASIA COMMERCIAL BANK		Mã GDV: BATCH Mã KH: 10366	
SỔ PHỤ		Số: 06	
Ngày: 31/12/2010			
Tài khoản: 1245412			
CTY TNHH TM CÔNG PHƯƠNG			
DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ	
	Số d- đầu ngày	42 303 153	
NHẬP LÃI TIỀN GỬI	Tổng phát sinh 0 ngày	11 658 216	
	D- cuối ngày	53 961 369	
SỔ PHỤ	KIỂM SOÁT VIÊN		

Biểu 2.22

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Số: 09

Ngày: 31/12/2010

Kính gửi: Công ty TNHH TM Công Phụng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi **CÓ** tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi **CÓ** : 1245412

Số tiền bằng số : 11 658 216

Số tiền bằng chữ : (+) Mười một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười sáu VNĐ

Nội dung : LÃI NHẬP GỐC

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu 2.23: Chứng từ ghi sổ số 174

Công ty TNHH TM Công Phụng		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:174				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Nhận lãi tiền gửi	112	515	11 658 216	
Cộng			11 658 216	
Kèm theo ... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 515

Ngày tháng ghi sổ		Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G	
			Tháng 12 Số d- đầu tháng					
31/12	174	31/12	Lãi tiền gửi NH	112		11 658 216		
31/12	151	31/12	K/C 515 - 911	911	11 658 216			
			Cộng PS		11 658 216	11 658 216		
			Số d- cuối tháng					

2.2.5. 2 .Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động TC của Công ty bao gồm các khoản chi phí như lãi vay, chi phí đầu tư chứng khoán, chiết khấu thanh toán...

2.2.5.2.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để hạch toán doanh thu tài chính của công ty là TK 635

Tài khoản cấp 2

TK 6351 Chi phí lãi vay

TK 6352 Chi phí đầu tư chứng khoán

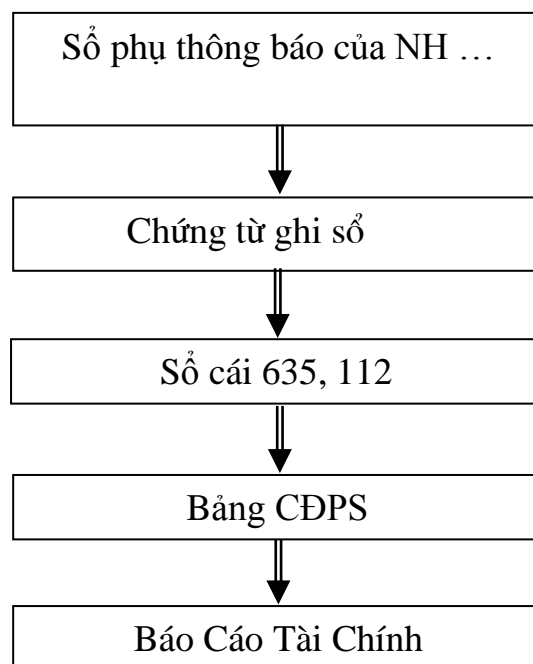
TK 6353 Chi phí hoạt động liên doanh, góp vốn cổ phần

TK 6354 Lỗ bán ngoại tệ CL tỷ giá

TK 6355 Chiết khấu thanh toán

TK 6357 Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán

Tk 6358 Chi phí tài chính khác

2.2.5.2.2. Phương thức hạch toán**SƠ ĐỒ 2.8: SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Ví dụ 6:

Ngày 18/12/2010 thanh toán phí chuyển tiền để thanh toán tiền hàng cho công ty CP Bảo H- ng qua ngân hàng công thương bằng tiền gửi NH là 197 171đ

Trình tự ghi sổ

Giấy báo nợ

Chứng từ ghi sổ

Sổ cái 112, 635

Biểu 2.25

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ASIA COMMERCIAL BANK	Mã GDV: BATCH Mã KH: 10366
GIẤY BÁO NỢ	
Số: 05	
Ngày: 31/12/2010	
Kính gửi: Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi NỢ	: 5642541
Số tiền bằng số	: 197 171
Số tiền bằng chữ	: (+) Một trăm chín m- ời bảy nghìn một trăm bảy m- ời một VNĐ
Nội dung	: Phí chuyển tiền thanh toán quốc tế
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu 2.26: Chứng từ ghi sổ số 177

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:177				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Phí chuyển tiền theo UNC	635	112	10 000	
2. Phí bảo lãnh phát hành th- dự thầu	635	112	160 000	
3. Phí bổ sung phát hành chứng từ th- dự thầu	635	112	40 000	
4. Phí chuyển tiền thanh toán quốc tế	635	112	197 171	
5. Phí kiểm đếm tiền	635	112	10 000	
...	
9. Phí thông báo qua SMS	635	112	1 000	
Cộng			731 671	
Kèm theo...chứng từ gốc				

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ờng			Mẫu số S 02c1 – DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ởng BTC)				
SỔ CÁI							
Năm: 2010							
Tên tài khoản: Chi phí hoạt động TC							
Số hiệu: 635							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
31/12	177	31/12	Tháng 12 Số d- đầu tháng Chi phí ps bằng TGNH	112	731 671		
31/12	149	31/12	k/c 911 - 635	911		731 671	
			Cộng PS		731 671	731 671	
			Số d- cuối tháng				

2.2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* *Nội dung:* Kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp chính là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính và hoạt động sản xuất kinh doanh phụ. Tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ, vận tải Trường An cuối kỳ kết quả hoạt động kinh doanh được xác định dựa vào việc so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với một bên là giá vốn hàng tiêu thụ và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận (hoặc lỗ) về tiêu thụ.

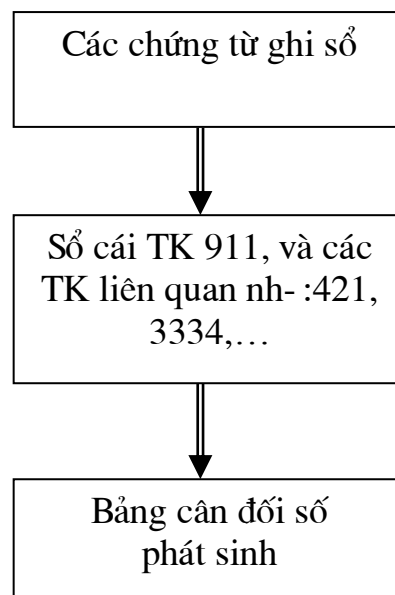
Thông thường, cuối kỳ kinh doanh hay sau mỗi thương vụ, kế toán tiến hành xác định kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ. Qua đó, cung cấp các thông tin liên quan tới lợi nhuận (hoặc lỗ) về tiêu thụ cho quản lý

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - Lợi nhuận sau thuế TNDN

* *Quy trình hạch toán*



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán Kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Công Phụng

Quy trình hạch toán Thu nhập khác tại Công ty được kế toán ghi chép sổ sách như sau: Từ các chứng từ ghi sổ kế toán tập hợp lại và ghi chép vào các chứng từ ghi sổ

Cuối tháng kế toán tổng hợp lại vào Sổ cái TK 911, và các TK liên quan,

cuối cùng vào bảng cân đối số phát sinh và bảng báo cáo kết quả kinh doanh

VD: Các phát sinh trong tháng 12, kế toán đã ghi chép vào các chứng từ ghi sổ (biểu số 2.2.6.1, biểu số 2.2.6.2, biểu số 2.2.6.3, biểu số 2.2.6.4)

Dựa vào các chứng từ ghi sổ trên, kế toán vào sổ cái TK 911, TK 4212 và cuối cùng vào bảng cân đối số phát sinh và bảng cân đối kế toán

Biểu số 2.28: Chứng từ ghi sổ số 149

Công ty TNHH TM Công Phụng		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:149				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. K/C Giá vốn bán hàng	911	632	3 219 437 677	
2. K/C chi phí QLDN	911	642	264 712 590	
3. K/C chi phí hoạt động TC	911	635	731 671	
Cộng			731 671	
Kèm theo ...chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 151

Công ty TNHH TM Công Ph-ong		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số: 151				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	3 472 929 985	
2. Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515	911	11 658 216	
Cộng			3 484 588 201	
Kèm theo ... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.30: Chứng từ ghi sổ số 152

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng		Mẫu số S 02a-DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số:152				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
1. Kết chuyển lỗ	421	911	293 736	
Cộng			293 736	
Kèm theo ... chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010				

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ờng

Mẫu số S 02c1 – DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Tháng 12 Số d- đầu tháng				
31/12	149	31/12	K/c Giá vốn bán hàng	632	3 219 437 677		
31/12	149	31/12	K.c chi phí QLDN	642	264 712 590		
31/12	149	31/12	K/c chi phí HĐTC	635	731 671		
31/12	151	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515		11 658 216	
31/12	151	31/12	K/c doanh thu bán hàng hóa	5111		3 472 929 985	
31/12	152	31/12	K/c Lỗ năm nay	421		293 736	
			Cộng PS tháng 12		3 484 881 937	3 484 881 937	

Biểu số 2.32: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH TM C- ờng Ph- ơng			Mẫu số S 02c1 – DN (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng BTC)				
SỔ CÁI							
Năm: 2010							
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh							
Số hiệu: 911							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
31/12	152	31/12	Tháng 12 Số d- đầu tháng Xác định kết quả kinh doanh	911	293 736	<u>173 212 644</u>	
			Cộng PS		293 736	<u>173 212 644</u>	

2.3.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.3.1 Những - u điểm của công tác kế toán tại Công ty

2.3.1.1 .Đối với công tác kế toán

Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lí kinh tế tài chính của Công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lí, giám sát hoạt động kinh doanh: Kế toán th- ờng xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất th- ờng cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết nguồn tài chính hiện tại của Công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi l- u trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của Công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán tr- ởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

2.3.1.2. Hình thức, chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng

- **Hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kĩ thuật tính toán cũng nh- yêu cầu quản lí của công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy.

- **Chứng từ kế toán:**

Trong công tác hạch toán ban đầu, các chứng từ được lập có cơ sở đầy đủ, chính xác, phản ánh được toàn diện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và có đầy đủ chữ kí của các bên liên quan.Việc luân chuyển chứng từ ở các cửa hàng đơn vị trực thuộc và ở công ty nói chung đã được xây dựng ở một trình tự luân chuyển hợp lí, được hệ thống hóa theo từng nghiệp vụ kinh tế, theo thời gian phát sinh và được đóng theo từng quyển có đánh số thứ tự để thuận tiện cho việc tìm kiếm, theo dõi và đối chiếu khi cần thiết. Sổ sách kế toán được mở khá đầy đủ, đúng kì hạn, phản ánh đúng nội dung kinh tế liên quan.

Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của đơn vị. Hệ thống tài khoản được phân chia khá toàn diện và đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu của công tác hạch toán ban đầu và chi tiết mặc dù chưa hệ thống hóa một cách hoàn chỉnh.

2.1.4. Những hạn chế :

Ngoài những điểm mạnh trên công tác hạch toán của đơn vị cũng còn có nhiều hạn chế cần khắc phục để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán tại đơn vị nói riêng.

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm đúng thời hạn quy định. Vẫn còn tồn tại một số chứng từ viết tay, chế độ tin cậy chưa cao, đặc biệt là những chứng từ được lập trong nội bộ. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hạch toán tổng hợp và chi tiết:

Công ty áp dụng hệ thống kế toán trong cả nước từ ngày 1/11/1995. Tuy nhiên, việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán mới để hạch toán tại công ty còn một số điểm c- a đúng, ch- a hợp lý.

Thứ nhất: Công ty đã không sử dụng TK 641 để phản ánh các chi phí liên quan mà lại tập hợp chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này trái với quyết định số 15 mà công ty đang áp dụng.

Thứ hai: Trong việc xác định giá vốn hàng hoá xuất bán, công ty sử dụng phương pháp giá thực tế đích danh. Không thể phủ định tính - u việt của việc áp dụng phương pháp này là sự t- ong xứng giữa chi phí- thu nhập và là phương

pháp thích hợp cho những đơn vị kinh doanh theo ph-ong thức bán lẻ, nhất là trong nền kinh tế thị tr-ờng cạnh tranh thuận mua vừa bán, giá cả là một trong những yếu tố đầu tiên để tạo lên sự lựa chọn của khách hàng. Nh-ng thực tế, ph-ong pháp này chỉ phát huy tác dụng của nó khi đ-ợc đặt vào điều kiện cụ thể: do tính chất t-ong xứng giữa chi phí và thu nhập nên nó đòi hỏi phải có sự theo dõi chi tiết, th-ờng xuyên hàng hoá từ lúc mua về đến khi đ-ợc bán ra. Điều này sẽ thực sự là một sự lãnh phí đối với những đơn vị có nhiều loại hàng hoá với nhiều chủng loại khác nhau và việc tiêu thụ hàng hoá diễn ra th-ờng xuyên nh-công ty. Ph-ong pháp này sẽ phù hợp hơn nếu áp dụng với hàng hoá có giá trị cao, chủng loại không nhiều cần theo dõi một cách chi tiết. Hơn nữa lại ch- a sử dụng phần mềm kế toán vào hạch toán thì việc quản lý sẽ gặp nhiều khó khăn, vì công ty sẽ phải ghi chép, giá mua của từng loại hàng hoá qua nhiều kỳ hạch toán. Việc này sẽ làm tăng khối l-ợng công việc để quản lý hàng tồn kho, vào sổ chi tiết cũng nh- lên tổng hợp xuất nhập tồn.

Thứ ba: Công ty không mở sổ đăng kí chứng từ ghi sổ nên chưa theo dõi đầy đủ số liệu, dẫn đến khi vào sổ cái, mất cân đối trong bảng đối chiếu số phát sinh, sót một vài tài khoản khi lập bảng đối chiếu số phát sinh nhưng vẫn cân đối được số dư, dẫn đến sai sót tổng phát sinh nợ có.

Một số ý kiến khác, là một doanh nghiệp th-ong mại công ty có quan hệ với nhiều khách hàng trong và ngoài n-ớc. Đối với khách hàng của công ty, khách hàng quen chiếm một khối l-ợng không nhỏ nh-ng công ty không thực hiện chiết khấu th-ong mại và bán theo đúng giá niêm yết trên sản phẩm, mà chỉ thực hiện các hình thức xúc tiến bán hàng nh- : tặng quà cho khách đến mua hàng vào những dịp đặc biệt. Điều này ch- a thực sự khuyến khích khách hàng quay trở lại với doanh nghiệp. Hơn nữa mặc dù thực hiện bán lẻ là chủ yếu, nh-ng công ty cũng có không ít các khoản thanh toán chậm trả cho các đối tác mua với số l-ợng lớn hoặc xuất khẩu, công ty ch- a có chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý để khuyến khích khách hàng thanh toán, thu hồi vốn của công ty là t-ong đối hợp lý, nh-ng trên thực tế để tất cả nghiệp vụ kinh tế phải đảm bảo lợi ích của hai bên thì mới có thể duy trì những quan hệ lâu dài và kích thích khách hàng thanh toán đúng kỳ hạn, vì không ngoại trừ những tr-ờng hợp đối tác

cổ tình đây d- a nợ, gia tăng khoản vốn chiếm dụng.

Sổ sách kế toán:

Nhìn chung công ty đã mở đủ số l- ợng cần thiết để theo dõi doanh thu và chi phí kinh doanh. Nỗ lực xây dựng một hệ thống sổ sách hoàn chỉnh, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế sau:

Về hạch toán chi tiết hàng hoá và tiêu thụ hàng hoá, kế toán mở sổ chi tiết hàng hoá nh- ng chỉ mở cho một số tài khoản nên ch- a đáp ứng đ- ợc yêu cầu khi đối chiếu với sổ tổng hợp.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM CÔNG PHỒNG

3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Khi Việt nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết công ty đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu ra chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Cường Phương

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những yêu cầu sau:

✓ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia cần phải có một cơ chế tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

✓ Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc áp dụng các chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

✓ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty

sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.2.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ đều xử lý chứng từ chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.2.2. Kiến nghị 2: Về hạch toán tổng hợp và chi tiết

Thứ nhất: Cần sử dụng TK 641 để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ theo đúng quy định.

Thứ hai:

- Sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng hóa phù hợp hơn để thực sự có hiệu quả, không gây lãng phí.

- Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo,

bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.2.3. Kiến nghị 3: Sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Việc bổ sung sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là rất cần thiết. Phục vụ cho việc so sánh, đối chiếu giữa các sổ. Đảm bảo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh đầy đủ chính xác khi khớp số liệu giữa các sổ.

Cụ thể sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo chuẩn mực kế toán quy định như sau:

Tên doanh nghiệp : Cty TNHH TM Công Nghệ Ph-ong
Địa chỉ : Số 1-Lạch Tray-Ngô Quyền-HP
Mã số thuế : 0200449829

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
Cộng tháng		
Cộng lũy kế		

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ:

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Một số kiến nghị khác

Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Như đã trình bày rõ tác dụng của chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá thành phẩm. Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

❖ Phương pháp kế toán

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

Nâng cao chất lượng tiêu thụ hàng hoá của công ty:

- Bảo đảm chất lượng hàng hoá bán ra, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ nhằm mục đích thu hút khách hàng. Doanh nghiệp phải đặt ra các tiêu chuẩn và các quyết định cụ thể về tuyển chọn và đào tạo đội ngũ bán hàng.

- Là một công ty thương mại dịch vụ nên công ty có rất nhiều mặt hàng kinh doanh. Do tính chất hàng hoá cũng như thị trường tiêu thụ, mỗi hàng hoá sẽ có một vai trò nhất định trong việc tạo nên kết quả kinh doanh của công ty. Theo đó công ty phải tổ chức phân tích doanh lợi từng mặt hàng để có chính sách đầu tư thích hợp với từng loại mặt hàng. Với những mặt hàng chủ yếu có khả năng tiêu thụ nhanh và mang lại nhuận cao phải có sự đầu tư thích đáng như tăng cường quảng cáo, mở rộng thị trường còn với những mặt hàng kinh doanh không hiệu quả cần hạn chế và có thể đi đến loại bỏ để tránh tình trạng mặt hàng này

gánh lỗ cho mặt hàng kia.

- Không ngừng khai thác mặt hàng mới và những khách hàng trong tương lai có khả năng và nhu cầu mua hàng hoá của công ty tạo ra sự đa dạng về cả chủng loại hàng hoá và cơ cấu khách hàng để chiếm lĩnh thị trường.

Hoàn thiện về chính sách giá cả:

Về chính sách giá cả: giá cả mang nhiều tên gọi khác nhau. Đằng sau những tên gọi đó, các hiện tượng giá cả luôn mang một ý nghĩa kinh tế chung được xác định bằng tiền. Với người mua, giá hàng hoá luôn được coi là chỉ số đầu tiên để họ đánh giá phân tích và chi phí bỏ ra để sở hữu và tiêu dùng hàng hoá. Vì vậy, những quyết định về giá luôn giữ vai trò quan trọng và phức tạp nhất mà một công ty phải đối mặt khi soạn thảo chiến lược marketing của mình. Chính sách giá cả phải thực sự linh hoạt và mềm dẻo với từng hàng hoá bán ra:

+ Định giá phải kết hợp với các yếu tố thị trường, và đảm bảo thu hút khách hàng mục tiêu vì giá cả luôn là một điều kiện để đánh giá chất lượng hàng hoá.

+ Định giá phải dựa trên đặc tính của sản phẩm

3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Cường Phương

3.3.1. Về phía nhà nước:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

3.3.2. Về phía công ty:

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2010, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Phân đầu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để tận dụng được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao

thiết tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm khách hàng.

+ Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng: Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển. Đây cũng là yếu tố quyết định sự bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp, để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi với khách hàng.

+ Cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị cùng một bộ máy kế toán. Trên cơ sở đó bộ phận kế toán quản trị sử dụng các nguồn thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu nhập, xử lý và lượng hoá thông tin theo chức năng riêng của mình.

+ Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán: Có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Qua thời gian nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH TM C- ờngng Ph- ong, và sự nhiệt tình giúp đỡ của các thầy cô, các anh chị tại phòng kế toán của công ty, em đã nắm đ- ọc tình hình hoạt động kinh doanh của công ty nói chung và thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong một cơ chế mới cùng với sự thay đổi của hàng loạt các chính sách kinh tế tài chính , công tác hạch toán kế toán tại công ty đã phát huy vai trò giám đốc với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là việc phản ánh và kiểm soát tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Với một tinh thần nhiệt tình học hỏi và mong muốn hoàn thiện hơn công tác hạch toán hàng hoá, bằng những kinh nghiệm thực tế đã thu thập đ- ọc kết hợp với kiến thức đã học ở tr- ờng em đã hoàn thành luận văn với đề tài hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, do thiếu kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những sai sót, vì vậy em rất mong đ- ọc sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và của công ty.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ts. Giang Thị Xuyên, cùng toàn bộ các thầy cô giáo khoa kế toán cũng như tập thể cán bộ công ty TNHH TM C- ờng Ph- ong, đã nhiệt tình giúp đỡ và h- ớng dẫn em hoàn thành chuyên đề này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Loan

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp*- Quyển 1- Bộ tài chính- NXB Tài chính- Hà Nội 2006.
2. *Chế độ kế toán doanh nghiệp*- Quyển 2- Bộ tài chính- NXB Tài chính- Hà Nội 2006.
3. Các sổ sách chứng từ của công ty TNHH TM Cường Phương.
4. www.ketoan.com.vn
5. *Giáo trình nguyên lý kế toán*- PGS. Nghiêm Văn Linh- NXB Tài chính- Hà Nội 2006.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.1. Các khái niệm cơ bản	2
1.1.1.1. Doanh thu	2
1.1.1.2. Chi phí	6
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh:	11
1.1.2. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	11
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	12
1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ:	12
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	12
1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng:	13
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	14
1.2.2.1. Kế toán chiết khấu th- ơng mại	14
1.2.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại	15
1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán	16
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	17
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.3.2. Quy trình hạch toán	18
1.2.4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:	20
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	20
1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng	20
1.2.4.3. Trình tự hạch toán	21

1.2.5. Kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính	23
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:.....	23
1.2.5.3. Ph- ơng pháp hạch toán.....	23
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	25
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng và tài khoản sử dụng.....	25
1.2.6.2. Xác định doanh thu hoạt động khác	25
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	26
1.2.7. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG	31
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG....	31
2.1.1 Sự hình thành và phát triển của công ty TNHH TM C- ường Ph- ơng.....	31
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34
2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	35
2.1.3. Thuận lợi, khó khăn, chiến l- ược phát triển kinh doanh:.....	40
2.1.3.1. Thuận lợi:	40
2.1.3.2. Khó khăn:	40
2.1.3.3. Chiến l- ược phát triển kinh doanh:	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong tại công ty TNHH TM C- ường Ph- ơng	41
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Tài khoản 642).....	57
2.2.4. Kế toán thu nhập và chi phí khác	64
2.2.4.1: Kế toán thu nhập khác:.....	64
2.2.4.2. Chi phí khác:	64
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động Tài chính và chi phí hoạt động TC	68
2.2.5.1.Doanh thu hoạt động tài chính	68
2.2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	77
2.3. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	

kinh doanh tại công ty	84
2.3.1 Những - u điểm của công tác kế toán tại Công ty	84
2.3.1.1 .Đối với công tác kế toán.....	84
2.3.1.2. Hình thức, chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng.....	84
2.1.4. Những hạn chế :.....	85
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG	88
3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	88
3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	88
3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Cường Phương	89
3.2.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ.....	90
3.2.2.Kiến nghị 2: Về hạch toán tổng hợp và chi tiết.....	90
3.2.3.Kiến nghị 3: Sử dụng sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.....	91
3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Cường Phương.....	94
3.3.1. Về phía nhà nước:	94
3.3.2. Về phía công ty:	94
KẾT LUẬN	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97